

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



HT. THÍCH DUY LỰC

**NAM TUYÊN NGŨ LỤC
VÀ
BƯU TẠNG LUẬN**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL : 2556 - DL : 2012**



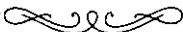
THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

thực hiện

Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.

ĐT: 08 38469721 - 09333 88668



NAM TUYỀN NGŨ LỤC

(Trích dịch trong Chỉ Nguyệt Lục)

Trì Châu Nam Tuyền Phổ Nguyên Thiên Sư (CN-747-834) quê ở Tân Trịnh, Trịnh Châu, họ Vương, theo Đại Hoà Sơn, Đại Huệ Thiên Sư xuất gia, đến Tung Nhạc thọ giới cụ túc. Ban sơ theo Pháp Tướng Tông, học giáo lý và giới luật, Sư đi các nơi nghe giảng kinh pháp, như Kinh Lăng Già, kinh Hoa Nghiêm v.v... rồi đi sâu vào Trung Quán Luận, Bách Môn Luận, Sư thấu suốt diệu nghĩa của tất cả kinh luận. Sau cùng đến Thiên hội của Mã Tổ Đạo Nhất Thiên Sư tham vấn, bỗng nhiên được khai ngộ, đắc du hí tam muội. Sư làm hành đơn (chức vụ làm trong phòng ăn) nơi thiên hội của Mã Tổ. Một ngày kia, Sư đang dọn cháo cho chư Tăng. Mã Tổ hỏi: "Trong thùng (*đựng cháo*) là cái gì?" Sư đáp: "Ông già này, bịt miệng đi, nói lời thế này!" Mã Tổ liền thôi. Từ đó, các đồng tham chẳng ai dám cất vấn Sư.

Năm mười một niên hiệu Trinh Nguyên nhà Đường (CN 795), Sư làm trụ trì ở Trì Dương, ba mươi mấy năm chẳng xuống núi Nam Tuyền. Các tông lâm tôn ngài là một vị thiên sư nổi bật.

Dưới núi Nam Tuyền có một am chủ; có người nói

với am chủ rằng: “Gần đây có Hòa Thượng Nam Tuyên ra đời, tại sao không đi để yết kiến?”. Vị am chủ nói: “Chẳng những Nam Tuyên ra đời, dấu cho ngàn Phật ra đời, tôi cũng không đi”. Sư nghe rồi, sai đệ tử là Triệu Châu đi khám xét. Triệu Châu đi từ Đông qua Tây, từ Tây qua Đông, am chủ cũng chẳng màng. Châu nói: “Thảo tặc đại bại”, rồi buông rèm xuống đi về, kể lại với Sư, Sư nói: “Xưa nay ta nghi ông này”. Ngày hôm sau, Sư cùng sa di đem một bình trà với ba cái chén đến am, liệng xuống đất, rồi nói: “Hôm qua đó, hôm qua đó”. Am chủ hỏi: “Hôm qua đó là gì?” Sư đánh vào lưng vị sa di một cái và nói: “Chớ gạt ta! Chớ gạt ta!” và liền quay đầu trở về. Sư thượng đường (*thăng tòa*) rằng: “Phật Nhiên Đăng đã nói rồi, nếu do tâm thức suy nghĩ sanh ra các Pháp, đều hư giả chẳng thật. Tại sao? Vì tâm còn chẳng có, làm sao sanh ra các pháp? Giống như lấy hình ảnh để phân biệt hư không, như lấy âm thanh để trong rương, cũng như thổi mạng lưới muốn cho đầy” nên Lão Túc (*Mã Tổ*) nói: “Chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải Vật, để dạy các anh em thực hành. Căn cứ lời Phật, Thập Địa Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm tam muội, đắc pháp tạng bí mật của chư Phật, đắc tất cả thiên định giải thoát, thần thông diệu dụng, đến tất cả thế giới phổ hiện sắc thân, thì

hiện thành Đẳng Chánh Giác, chuyển đại pháp luân, nhập niết bàn, đem vô lượng nhập vào một lỗ chân lông, giảng một câu kinh trải qua vô lượng kiếp, nghĩa cũng chưa hết, giáo hóa vô lượng chúng sanh, đặc vô sanh pháp nhẫn, còn bị gọi là sở tri ngu, cực vi tế sở tri ngu, toàn trái với đạo, thực khó! thực khó! Trân trọng (*cáo biệt*). (*Nếu chấp theo những lời kể trên làm sở tri, thì bị gọi là sở tri ngu*).

Sư thượng đường rằng: “Các ông, lão Tăng từ 18 tuổi đã biết cách làm kế sống, nay hễ có kẻ nào cũng biết cách làm kế sống thì ra đây cùng nhau thương lượng. Phải là người trụ núi mới được”. (*Người trụ núi nghĩa là người sau khi ngộ*).

Lương cứu (*cách một lát sau*), Sư nhìn khắp đại chúng, hiệp chưởng (*chấp tay*) nói: “Trân trọng, vô sự hãy mỗi mỗi tự tu hành đi”.

Đại chúng đứng yên chẳng giải tán. Sư nói: “Thánh quả rất đáng sợ, người siêu việt số lượng còn chẳng nại hà (*giống như không có cách nào đối phó*), ta lại chẳng phải nó, nó lại chẳng phải ta - nó làm sao nại hà ta - những nhà kinh luận nói pháp thân là cùng tột, gọi là lý tận tam muội, nghĩa tận tam muội. Như lão Tăng, khi xưa bị người dạy cách phản bốn hoàn nguyên, hiểu theo như thế là việc tai họa. Các anh em, gần đây thiên sư quá nhiều, muốn tìm một

người ngu độn chẳng thể được. Chẳng phải hoàn toàn không có, nhưng mà rất ít, nếu có thì ra đây cùng ta thương lượng. Như thời không kiếp, có người tu hành hay không? Có hay không? Sao chẳng ai đáp? Các ông bình thường lưỡi như dao bén (*biện luận rất hay*), nay ta hỏi đều không mở miệng, tại sao không ra đây nói? Các anh em, chẳng kể việc lúc Phật ra đời. Mọi người hiện nay cứ gánh Phật trên vai mà đi, nghe lão Tăng nói: “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, bèn tụ nhau suy đoán. Lão tăng chẳng có chỗ để các ông suy đoán, nếu các ông rút hư không làm cây gậy, đánh được lão Tăng, thì mặc kệ các ông suy đoán.

Lúc ấy có tăng hỏi: “Từ xưa chư Tổ cho đến Giang Tây Mã Tổ đều nói: “Tức tâm là Phật, bình thường tâm là đạo.” Nay Hòa Thượng nói tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo, khiến học nhơn rất sanh nghi hoặc, xin Hòa Thượng từ bi chỉ dạy”.

Sư lớn tiếng đáp rằng: “Ông nếu là Phật, thì còn gì để nghi Phật như thế. Lão Tăng chẳng phải Phật, cũng chẳng gặp Tổ Sư, ông nói như thế hãy tự tìm Tổ Sư đi”.

Tăng nói: “Hòa thượng dạy thế này, bảo học nhơn làm sao hộ trì được”.

Sư nói: “Ông mau dùng tay nâng hư không đi”.

Tăng nói: “Hư không chẳng tướng động làm sao nâng?”

Sư nói: “Ông nói chẳng tướng động đã là động rồi, hư không làm sao biết nói chẳng tướng động, đây đều là kiến giải, tình chấp của ông thôi”.

Tăng nói: “Hư không chẳng tướng động còn là tình chấp, vậy hồi nãy bảo con nâng vật gì?”

Sư nói: “Ông đã biết chẳng nên nói nâng, còn tính ở đâu hộ trì nó?”.

Tăng hỏi: “Tức Tâm là Phật, tâm ấy làm Phật được chăng?”.

Sư đáp: “Tức Tâm là Phật, tâm ấy là Phật thuộc về tình chấp, đều do suy lường mà thành. Phật là trí nhơn, tâm là chủ chiêu tập nghiệp. Lúc đối vật mới có diệu dụng, Đại đức chớ nhận tâm nhận Phật. Nếu nhận được là cảnh, bị gọi là sở tri ngu. Nên Giang Tây Mã Tổ nói, chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật để dạy người đời sau thực hành. Hiện nay kẻ học đạo đắp y đi khắp nơi, nghi việc không đáng kể như thế này còn được chăng?”.

Tăng nói: “Đã chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, nay Hòa Thượng còn nói tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo, thật chưa rõ là thế nào?”.

Sư nói: “Ông chẳng nhận tâm là Phật, Trí là Đạo, lão Tăng thì chẳng đắc tâm, vậy còn dính mắc chỗ nào?”.

Tăng nói: “Thầy đều không được, đâu khác gì thái hư”.

Sư nói: “Đã chẳng phải vật, so thái hư cái gì? Lại bảo khác hay chẳng khác”.

Tăng nói: “Chẳng lẽ cũng không có “chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải Vật” luôn chẳng?”.

Sư nói: “Ông nếu nhận cái này thì lại thành Tâm thành Phật rồi!”.

Tăng nói: “Xin Hòa thượng giải thích”.

Sư nói: “Lão tăng tự chẳng biết”.

Tăng nói: “Tại sao chẳng biết?”.

Sư nói: “Bảo ta nói gì?”

Tăng nói: “Chẳng lẽ không cho học nhân hội đạo?”.

Sư nói: “Hội đạo nào? Làm sao mà hội?”.

Tăng nói: “Con không biết!”.

Sư nói: “Không biết thì tốt. Nếu chấp lấy lời lão Tăng thì gọi là người y thông (y là dựa theo). Nếu gặp Di Lặc ra đời, thì sẽ bị ngài nắm tóc”.

Tăng nói: “Làm sao dạy kẻ hậu học đời sau?”.

Sư nói: “Ông hãy tự khán, chớ lo người đời sau!”.

Tăng nói: “Hồi nầy không cho con hội đạo, nay lại bảo con tự khán, thực con chưa rõ”.

Sư nói: “Âm thầm hội, diệu hội. Cho ông hội thế này”.

Tăng nói: “Thế nào là diệu hội?”.

Sư nói: “Còn muốn học lời lão Tăng! Dẫu nói được, cũng là lời của lão Tăng, ông còn muốn làm sao?”.

Tăng nói: “Con nếu tự hội được thì chẳng phiền Hòa Thượng. Nay con xin Hòa Thượng dạy bảo”.

Sư nói: “Chẳng lẽ chỉ Đông chỉ Tây để gạt người. Lúc ông còn mới bập bẹ sao không đến hỏi lão Tăng, nay lại làm tài khôn nói ta chẳng hội, mong muốn cái gì? Ông ló đầu ra nói ta xuất gia làm thiền sư, vậy lúc chưa xuất gia đã từng làm cái gì? Hãy thử nói xem, ta sẽ cùng người thương lượng”.

Tăng nói: “Lúc bấy giờ con không biết”.

Sư nói: “Đã không biết thì nay nhận được này nọ là phải chăng?”.

Tăng nói: “Nhận được đã chẳng phải, chẳng nhận phải chăng?”.

Sư nói: “Nhận với chẳng nhận là lời nói gì?”.

Tăng nói: “Đến chỗ này con càng chẳng hội được”.

Sư nói: “Ông nếu chẳng hội ta còn chẳng hội hơn”.

Tăng nói: “Con là học nhân nên chẳng hội, còn Hòa Thượng là Thiện Tri Thức thì phải hội”.

Sư nói: “Ông này! Đã nói với ông chẳng hội thì còn ai mà luận Thiện Tri Thức. Chớ làm tài khôn! Xem khi Mã Tổ còn tại thế, có một học sĩ hỏi “Nước không gân xương, nâng ghe muôn ngàn tấn. Lý này là thế nào?”. Mã Tổ nói: “Ở đây chẳng nước cũng chẳng ghe, luận gì gân xương”. Học sĩ liền thôi. Như thế phải ít phí sức không? Cho nên ta thường nói: “Phật chẳng hội đạo, ta tự tu hành, vậy cần biết làm gì?”.

Tăng nói: “Thế thì làm sao tu hành?”.

Sư nói: “Không thể suy lường được. Nói với người tu như vậy, hành như vậy, thực khó!”.

Tăng nói: “Vậy còn cho học nhân tu hành hay không?”.

Sư nói: “Lão Tăng chẳng thể chương ngại người”.

Tăng nói: “Con làm sao tu hành?”.

Sư nói: “Muốn hành thì hành, cứ tìm hỏi người khác”.

Tăng nói: “Nếu chẳng nhờ Thiện Tri Thức chỉ thị, làm sao hội được. Như Hòa Thượng thường nói tu

hành cần phải hiểu mới được. Nếu không hiểu thì e lọt vào nhân quả, chẳng có phần tự do. Chưa rõ tu hành thế nào mới khỏi lọt vào nhân quả”.

Sư nói: “Chẳng cần thương lượng. Nếu nói đi tu hành, chỗ nào không đi được”.

Tăng nói: “Làm sao đi được?”.

Sư nói: “Chẳng lẽ tùy người mà tìm được?”.

Tăng nói: “Hòa Thượng chưa nói, bảo con làm sao tìm?”.

Sư nói: “Dẫu cho nói, đi chỗ nào tìm? Như ông từ sáng tới chiều đi Đông đi Tây, thương lượng với ai? Được hay không được. Người khác làm sao mà biết”.

Tăng nói: “Lúc đi Đông đi Tây đều không suy nghĩ, phải chăng?”.

Sư nói: “Lúc ấy ai nói phải với chẳng phải?”.

Tăng nói: “Hòa Thượng thường nói “Ta ở tất cả nơi mà vô sở hành, tất cả nơi câu thúc ta chẳng được, gọi là biến hành tam muội, phổ hiện sắc thân”, tức là lý này chăng?”.

Sư nói: “Nếu kẻ tu hành chỗ nào chẳng đi được, chẳng nói câu với bất câu, cũng chẳng nói tam muội”.

Tăng nói: “Vậy khác gì có pháp để đắc Bồ Đề đạo?”.

Sư nói: “Chẳng kẻ khác hay chẳng khác”.

Tăng nói: “Cái thuyết tu hành của Hòa Thượng siêu việt và khác với đại thừa, chưa rõ thế nào?”.

Sư nói: “Chẳng quản khác hay chẳng khác. Ta chưa từng học. Nếu muốn xem giáo thì có tọa chủ, kinh luận. Các nhà giáo môn thật rất đáng sợ. Ông hãy đi nghe tốt hơn”.

Tăng nói: “Rốt cuộc khiến học nhân làm sao mà hội”.

Sư nói: “Theo sự hỏi của ông vốn chỉ ở bên nhân duyên, thấy ông còn chẳng nại hà. Duyên là nhận được vật trên sáu cửa. Ông hãy hội bên Phật rồi đến thương lượng với ta. Chớ truy tìm thế này, chẳng phải thế này, chớ lấy lời cổ nhân hành hạnh Bồ Tát. Duy có một người hành thiền, ma Ba Tuần lãnh các quyến thuộc thường theo dõi sau lưng Bồ Tát, tìm chỗ tâm hành khởi lên liền chộp ngã. Nhưng trải qua vô lượng kiếp tìm chỗ một niệm khởi cũng chẳng thể được, mới cùng quyến thuộc lễ tạ, tán thán cúng dường, ấy còn là cấp bậc tiến tu, người trung hạ cần lại chẳng nại hà, huống là chỗ tuyệt công dụng, như Văn Thù, Phổ Hiền thì khởi cần nói. Thế nào là đạo hành của ông? Là có hay không? Tìm người hành một ngày cũng chẳng thể được. Hiện nay cứ từ đầu năm đến cuối năm đi khắp nơi chỉ là tìm cứu cánh làm cái gì? chỉ là đầu môi chót lưỡi sinh ra kiến giải.

Tăng nói: “Lúc bấy giờ chẳng tên Phật, chẳng tên chúng sanh, khiến con làm sao suy nghĩ thực hành”.

Sư nói: “Ông nói chẳng tên Phật chẳng tên chúng sanh đã là suy nghĩ rồi, cũng là nhớ lời người khác”.

Tăng nói: “Nếu như thế tất cả đều thuộc về việc lúc Phật ra đời, chẳng thể không nói”.

Sư nói: “Ông làm sao nói?”.

Tăng nói: “Giả sử nói, nói cũng không tới”.

Sư nói: “Nếu nói là nói không tới, là lời tới. Ông uống công truy tìm, ai làm cảnh cho ông tìm”.

Tăng nói: “Đã không vì làm cảnh, ai là người bên kia?”.

Sư nói: “Nếu ông không dẫn chứng giáo lý thì nơi nào để luận Phật. Đã chẳng luận Phật, lão Tăng luận với ai mà nói bên đây bên kia”.

Tăng nói: “Quả dù chẳng trụ đạo, nhưng đạo hay làm nhân, là nghĩa thế nào?”.

Sư nói: “Ấy là lời cổ nhân. Hiện nay không thể không trì giới. Ta chẳng phải nó, nó chẳng phải ta. Cứ làm theo như con trâu con chồn! Hễ nổi lên một niệm thấy khác thì khó mà tu hành”.

Tăng nói: “Một niệm thấy khác thì khó mà tu hành là thế nào?”.

Sư nói: “Mới một niệm thấy khác liền có hai gốc

tốt xấu. Chẳng phải tình kiến đuổi theo nhân quả họ, lại còn có phần tự do gì?”.

Tăng nói: “Thường nghe Hòa Thượng dạy Báo thân Hóa thân đã chẳng phải Phật thật, vậy Pháp thân là Phật thật chăng?”.

Sư nói: “Đã là Ứng thân rồi!”.

Tăng nói: “Nếu như thế này thì Pháp thân cũng chẳng phải Phật thật”.

Sư nói: “Pháp thân là thật hay chẳng thật, lão Tăng không lười, không nói được, ông bảo ta nói là được thì được”.

Tăng nói: “Ngoài lìa tam thân, pháp nào là Phật thật?”.

Sư nói: “Ông này! Cùng ông già tám chín chục tuổi chửi lộn, nói với ông rồi đó, còn hỏi gì lìa, chẳng lìa, bộ muốn đem đinh đóng hư không hay sao?”.

Tăng nói: “Theo kinh Hoa Nghiêm là Pháp thân Phật thuyết, là thế nào?”.

Sư nói: “Ông vừa nói lời gì?”.

Tăng nhắc lại.

Sư nhìn qua nhìn lại rồi than: “Nếu là Pháp thân thuyết, ông hướng vào chỗ nào để nghe?”.

Tăng nói: “Con chẳng hội”.

Sư nói: “Thực khó, thực khó. Ông xem Tọa chủ

Lượng là người Tứ Xuyên biết giảng ba mươi hai bộ kinh luận, lúc đang giảng ở tỉnh Giang Tây, có dịp đến tham vấn Mã Tổ trong Khai Nguyên Tự. Mã Tổ hỏi: “Nghe nói Tọa chủ hay giảng kinh, phải chăng?” Tọa chủ nói: “Không dám”. Mã Tổ nói: “Đem cái gì để giảng?” Tọa chủ nói: “Đem tâm để giảng”. Mã Tổ nói: “Tâm như người múa rối, ý như người hòa nhạc, làm sao giảng được?” Tọa chủ nói: “Vậy có lẽ hư không giảng được chăng?” Mã Tổ nói: “Đúng là hư không giảng được”. Tọa chủ quay lưng đi liền. Mã Tổ lớn tiếng gọi: “Tọa chủ!” Tọa chủ! quay đầu lại. Mã Tổ lớn tiếng: “Là cái gì?”, Tọa chủ liền khai ngộ. Ông xem thử, mau không?”.

Tăng nói: “Căn cứ lời Hòa Thượng tức là Pháp thân thuyết pháp”.

Sư nói: “Nếu hội như thế đã là Ứng thân rồi”.

Tăng nói: “Đã là Ứng thân há chẳng có người thuyết pháp?”.

Sư nói: “Ta không biết”.

Tăng nói: “Con không hội”.

Sư nói: “Không hội thì tốt, khỏi cùng nó phân giải nữa”.

Tăng hỏi: “Trong kinh nói chỗ Pháp thân Đại Sĩ hội ngộ tức thấy Pháp thân Phật. Địa vị Bồ Tát tức thấy Báo thân Phật. Nhị thừa chỉ thấy Hóa thân

Phật là lý này chăng?”.

Sư nói: “Mắt ta chưa từng xem kinh giáo, lỗ tai cũng chưa từng nghe. Ông tự xem lấy. Nếu ghi nhớ như thế thì sau này mới chẳng nại hà. Giống như người chơi hạt châu, nói ánh sáng hạt châu chiếu cùng khắp, có đĩa vàng thì phản chiếu được, bỗng bị lấy mất đĩa vàng thì chỗ nào chơi châu, chỗ nào tìm ánh sáng khắp với chẳng khắp”.

Tăng lễ bái.

Sư cười rằng: “Thực khó, thực khó. Cổ nhân mắng ông là hạng thợ săn ngư phủ, cũng là người đem phần vào. Trân trọng”.

Triệu Châu hỏi: “Đạo chẳng phải ngoài vật. Ngoài vật chẳng phải đạo. Thế nào là đạo ngoài vật?”.

Sư liền đánh.

Triệu Châu nắm lấy gậy rằng: “Về sau chớ đánh lầm người”.

Sư nói: “Rồng rắn dễ phân biệt. Nạp tử (*Tu sĩ*) khó lừa gạt”.

Bình: Tuyết Đậu Hiển thiên sư nói: “Triệu Châu như rồng không sừng, như rắn có chân. Lúc ấy không kể “Tận pháp vô dân”, cần phải cho ăn gậy rồi đuổi ra”.



Lúc đang thưởng trăng, Tăng hỏi: “Bao giờ được giống như cái này?”.

Sư nói: “Vương lão sư hai mươi năm trước cũng như thế này”.

Tăng nói: “Vậy hiện nay thì làm sao?”.

Sư bèn về phương trượng.



Một hôm Sư hỏi Huỳnh Bá: “Vàng ròng làm thế giới. Bạc trắng làm vách tường. Đây là chỗ người gì ở?”.

Bá nói: “Là chỗ thánh nhân ở”.

Sư nói: “Còn có một người ở quốc độ nào?”.

Bá Khoanh tay đứng yên.

Sư nói: “Nói chẳng được sao không hỏi Vương lão sư?”.

Bá hỏi lại: “Còn có một người ở quốc độ nào?”.

Sư nói: “Đáng tiếc thay!”.

Sư hỏi Huỳnh Bá: “Định huệ đẳng học, mình kiến Phật tánh, lý này thế nào?”.

Bá nói: “Trong mười hai thời chẳng y dựa một vật”.

Sư nói: “Ấy là chỗ thấy của Trưởng lão chăng?”.

Hoàng Bá nói: “Không dám”.

Sư nói: “Tiền nước tương tạm gác một bên. Tiền dép cỏ bảo ai trả?”.

Bình: Diệu Hỷ Đại Huệ Thiền Sư nói: “Không thấy lời rằng “Trên đường gặp kiếm khách nên hiển kiếm, chẳng phải nhà thơ chớ truyền thơ”.



Sư tham vấn Bá Trượng Niết Bàn Hòa Thượng.

Trượng hỏi: “Từ xưa chư Thánh còn có pháp nào chẳng vì người mà thuyết chẳng?”.

Sư nói: “Có”.

Trượng nói: “Thế nào là Pháp chẳng vì người mà thuyết?”.

Sư nói: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải Vật”.

Trượng nói: “Đã thuyết rồi đó!”.

Sư nói: “Con chỉ biết như thế. Hòa Thượng làm thế nào?”.

Trượng nói: “Ta chẳng phải Đại Thiện Tri Thức, đâu biết thuyết hay chẳng thuyết.”

Sư nói: “Con chẳng hội”.

Trượng nói: “Ta đã quá sức vì người mà nói rồi vậy”.

Bình : Tuyết Đậu Hiền Thiền Sư tụng rằng:
Phật Tổ từ xưa chẳng vì người.
Nạp Tăng xưa nay đua nhau chạy.
Trên đài gương sáng tượng khác biệt
Mỗi mỗi hướng Nam nhìn Bắc Đẩu
Chuôi Bắc Đẩu
Không chỗ thảo (thảo nghĩa là tìm lấy)
Bắt được lỗ mũi lại mất khẩu

✱

✱ ✱

Sư và Lỗ Tổ, Qui Tông, Sam Sơn bốn người là nơi Mã Tổ, mỗi người đều muốn đi tìm nơi ở. Nửa đường chia tay, Sư cầm cây gậy xuống nói:

- Nói được cũng bị cái này chướng ngại, nói không được cũng bị cái này chướng ngại.

Qui Tông nhổ cây gậy lên, đánh Sư rồi nói:

- Cũng chỉ là Vương lão sư này thôi. Nói gì ngại, chẳng ngại.

Lỗ Tổ nói: “Chỉ một lời nói này, truyền bá khắp thiên hạ”.

Qui Tông nói: “Còn có kẻ không truyền bá chẳng?”.

Lỗ Tổ nói: “Có”.

Qui Tông nói: “Thế nào là kẻ không truyền bá”.

Lỗ Tổ làm thế muốn bạt tai.

✱

✱ ✱

Sư cùng Lỗ Tổ, Sam Sơn, Qui Tông đang uống trà. Lỗ Tổ giờ chén trà lên nói: “Lúc thế giới chưa thành đã có cái này”.

Sư nói: “Người thời nay chỉ biết cái này, chưa biết thế giới”.

Qui Tông nói: “Phải”.

Sư nói: “Bộ Sư huynh đồng ý kiến này chẳng?”.

Qui Tông lại nâng chén trà lên nói: “Hướng vào lúc thế giới chưa thành, nói được chẳng?”.

Sư giờ tay làm thế muốn bạt tai. Qui Tông đưa mặt làm thế muốn nhận.

✱

✱ ✱

Ma Cốc cầm tích trượng đến Chương Kinh, nhiều thiên sàng ba vòng rồi động tích trượng một cái, nghiêm mặt đứng thẳng.

Chương Kinh nói: “Phải! Phải!”.

Bình: Tuyết Đậu nói: “Sai”

Ma Cốc lại đến chỗ Sư, cũng nhiều thiên sàng ba vòng rồi cũng động tích trượng một cái, nghiêm mặt đứng thẳng.

Sư nói: “Chẳng phải! Chẳng phải!”.

Bình: Tuyết Đậu nói: “Sai”.

✱

✱ ✱

Ma Cốc nói: “Chương Kinh nói phải, tại sao Hòa Thượng lại nói chẳng phải?”.

Sư nói: “Chương Kinh thì phải, là ông chẳng phải. Đó là sức gió sở chuyển, chung qui bại hoại”.

Bình: Tuyết Đậu tụng:

Này sai kia sai

Rất kỳ liệtng bỏ

Bốn biển sóng yên

Trăm sông triều xuống

Cổ sắc phong cao thập nhị môn

Môn môn hữu lộ không tiêu điều.

Phi tiêu điều

Trăm năm ham cầu thuốc không bịnh

✱

✱ ✱

Viên Ngộ Càn thiên sư rằng: “Cần phải nhận lấy hai “Sai” mới được. Tuyết Đậu muốn đề chỗ hoạt bát nên như thế. Nếu mà thằng dưới da có máu, tự nhiên chẳng hướng vào ngôn cú để hiểu. Có người nói Tuyết Đậu thay cho Ma Cốc dùng hai chữ “Sai” này, có dính dáng gì đâu! Đâu biết cổ nhân dùng lời nói là

khóa chặt quan ải. Bên đây cũng phải, bên kia cũng phải, rốt cuộc chẳng ở hai đầu này”.

Khánh tạng chủ nói: “Cầm tích trượng nhiều thiền sàng như phải và chẳng phải đều sai. Kỳ thực ý cũng chẳng ở đây”.

Qui Sơn Triệt thiền sư rằng: “Chương Kính nói “phải” cũng lọt vào trong vòng của Ma Cốc. Nam Tuyên nói “chẳng phải” cũng lọt vào trong vòng của Ma Cốc. Đại Quy thì không như vậy. Bổng có người cầm tích trượng, nhiều thiền sàng ba vòng, nghiêm mặt đứng thẳng, chỉ hướng họ rằng: Khi chưa đến đây, nên cho ba mươi gậy”.



Diêm Quan Thiền Sư dạy chúng rằng: “Hư không làm trống, tu đi làm chùy. Người nào đánh được?”.

Không ai trả lời.

Có Tăng kể lại với Sư. Sư nói: “Vương lão sư không đánh cái trống bể này!”.

Bình: Pháp Nhãn thiền sư nói cách khác rằng: “Vương lão sư không đánh”.

Huỳnh Long Tâm thiền sư rằng: “Nam Tuyên Pháp Nhãn chỉ biết nhìn trước, chẳng biết dòm sau. Cũng như Diêm Quan nói hư không làm trống Tu Di

làm chùy, chỗ nào là chỗ bể. Còn kiểm điểm ra được chẳng? Dẫu cho kiểm điểm được chỗ bể rõ ràng, ta còn muốn hỏi người tìm trống đó!”.



Sư với Qui Tông, Ma Cốc cùng nhau đi tham lễ Nam Dương Quốc Sư. Sư ở trên đường vẽ một vòng tròn, rằng: “Nói được thì đi”.

Qui Tông liền ngồi trong vòng tròn Ma Cốc bèn lay kiếu người nữ. Sư nói: “Thế này thì không đi”.

Qui Tông nói: “Là tâm hạnh gì?”.

Sư liền rũ tất cả quay về, không đi tham lễ Quốc Sư nữa.

Bình: Tuyết Đậu tụng rằng:

Dương Do Cơ bắn vượn

Nhiều cây sao quá thẳng!

Ngàn con và muôn con

Ấy là ai bi trúng?

Gọi nhau, rủ nhau

Đi về đi!

Trên đường Tào Khê chó leo dốc.

Lại nói đường Tào Khê bằng phẳng

Tại sao chó leo dốc.



Có một tọa chủ từ giã Sư. Sư hỏi: “Đi chỗ nào?”.

Đáp: “Đi dưới núi”.

Sư nói: “Đệ nhất không được báng Vương lão sư?”.

Đáp: “Đâu dám báng Hòa Thượng!”

Sư làm bộ hất xì, hỏi: “Bao nhiêu?”.

Tọa chủ bèn ra đi.

Bình: Vân Cư Ứng thiền sư rằng: “Phi Sư bốn ý”.

Tiên Tào Sơn rằng: “Lì!”.

Thạch Sưong thiền sư rằng: “Chẳng vì người thương lượng”.

Trường Khánh thiền sư rằng: “Xin lãnh lời”.

Vân Cư Tích thiền sư rằng: “Tọa chủ lúc ấy ra đi là hội hay chẳng hội?”.

✱

✱ ✱

Một hôm Sư đóng cửa phương trượng, đem vôi rải vòng ở ngoài cửa, bảo chúng rằng: “Nếu có người nói được thì mở”.

Có nhiều người nói, nhưng đều chưa thỏa ý Sư. Triệu Châu nói: “Trời xanh!”.

Sư liền mở cửa.

✱

✱ ✱

Lục đại phu với Sư gặp người chơi xúc xắc.

Lục đại phu chỉ quân xúc xắc nói: “Thế này! Chẳng thế này! Đang thế này! Lúc trúng là thế nào?”.

Sư lượm hột xúc xắc nói: “Xương thú mười tám!”.

※

※ ※

Lục đại phu nói với Sư: “Pháp sư Tăng Triệu cũng rất kỳ lạ, biết nói trời đất với ta cùng gốc, vạn vật với ta một thể”.

Sư chỉ hoa mẫu đơn trước sân, rằng: “Đại phu! Người đời thấy cây hoa này tương tự như mơ”.

Lục đại phu chưng hửng.

Bình: Tuyết Đậu tụng:

*Kiến văn giác tri phi mỗi mỗi
Núi sông chẳng quán ở nơi gương
Trời sương trắng lặn đêm sắp tàn
Cùng ai đậm lạng chiếu ảnh hàn.*

Viên Ngộ Cẩn Thiền Sư rằng: “Nam Tuyên tiểu thụ ngữ, Tuyết Đậu đại thụ ngữ. Mặc dầu nằm chiêm bao mà là chiêm bao tốt. Trước kia nói nhất thể, ở đây nói chẳng đồng. “Kiến - Văn - Giác - Tri phi mỗi mỗi, núi sông chẳng quán ở nơi gương”. Nếu nói quán trong gương rồi mới hiểu được thì chẳng lìa chỗ gương. Núi sông đất đai, từng lâm thảo mộc chớ đem gương chiếu soi. Nếu đem gương chiếu soi liền thành

hai đoạn. Nên chỉ có thể nói núi là núi, sông là sông. “Pháp đó trụ ngôi pháp, tướng thế gian thường trụ”. Núi sông chẳng ngại mắt sáng, hãy nói hướng vào chỗ nào mà quán. Còn hội chăng? Đến chỗ này hướng vào “Trời sương trắng lặn đêm sắp tàn”, bên này cùng người ăn khớp rồi. Bên kia người tự đoán lấy. Còn biết Tuyết Đậu dùng việc bốn phần vì người chăng? “Cùng ai đàm trong chiếu ảnh hàn” ấy là tự chiếu hay cùng người chiếu? Cần phải tuyệt cơ tuyệt giải mới đến được cảnh giới này. Không muốn đàm trong cũng không đợi trời sương trắng lặn, thì hiện nay làm sao?”.

Kinh Sơn Cảo Thiên Sư rằng: “Nếu hướng trên lý mà xem, chẳng những Nam Tuyên gạt Lục Tuyên đại phu một chút không được, cũng chưa mò trúng một sợi lông dưới gót chân. Nếu hướng trên sự mà xem, chẳng những Lục Tuyên đại phu gạt Nam Tuyên một chút không được, cũng chưa mòng kiến được cái mồ hôi thúi của ngài. Hoặc có người ra đây nói. Đại, Tiểu Kinh Sơn thuyết sự, thuyết lý, chỉ hướng họ rằng hãy hướng vào trên lý, sự, hội lấy. Còn có bài tụng rằng;

Trời đất đồng gốc trình câu hỏi
 Chưa từng dạm bước đã quên nhà
 Đất chẳng âm dương hoa lại nở
 Ngọc vốn không vết lại có vết.

Một hôm Pháp Sương Ngô Thiên Sư cùng Nột Thủ tọa đang xem hoa đàn hỏi về việc Nam Tuyên nói: “Người đời thấy cây hoa này tương tự như mơ”. Người thấy tựa như cái gì, nói thử xem”.

Nột nói: “Chỉ một cây hoa”.

Ngô nói: “Vậy thì người cũng ở trong hang ổ của Nam Tuyên”.

Nột nói: “Cố nhân ý là thế nào?”.

Ngô nói: “Đem gạch lại!”.

Nột đưa gạch rồi hỏi nữa. Ngô nói: “Phật xưa đã đi lâu rồi!”.



Sư vào Tuyên Châu. Lục Tuyên đại phu ra đón, chỉ cửa thành rằng: “Người người đều gọi là Ung Môn, chưa rõ Hòa Thượng gọi là gì?”.

Sư nói: “Lão Tăng nếu nói e xỉ nhục phong hóa của đại phu”.

Lục đại phu nói: “Bỗng nhiên có kẻ giặc đến thì làm sao?”.

Sư nói: “Lão Tăng tội lỗi!”.

Lục đại phu hỏi tiếp: “Trong nhà đệ tử có một tảng đá, có lúc để ngồi, lúc để nằm. Hiện nay tính khắc làm tượng Phật, được chăng?”.

Sư nói: “Được!”.

Lục đại phu nói: “Có lẽ không được chăng?”.

Sư nói: “Không được!”.

Vân Nham Thiền Sư nói: “Ngồi tức Phật, chẳng ngồi tức phi Phật”.

Động Sơn nói: “Chẳng ngồi tức Phật, ngồi tức phi Phật!”.

Thiên Đồng Giác Thiền Sư nói: “Chuyển công theo ngôi vị, chuyển ngôi vị theo công, ấy là cha con Động Sơn. Còn ý của Nam Tuyên là thế nào? Thực là kim dùi không vô”.

✱

✱ ✱

Tăng hỏi: “Lúc cha mẹ chưa sanh, lỗ mũi ở đâu?”.

Sư nói: “Cha mẹ đã sanh rồi, lỗ mũi đâu?”.

Sư hỏi Thần Sơn Thiền Sư: “Từ đâu đến?”.

Thần Sơn nói: “Đánh Cầu đến”,

Sư nói: “Tay đánh hay chân đánh”.

Thần Sơn không trả lời được.

Sư nói: “Người hỏi ta, ta nói với người”.

Thần Sơn nói: “Tay đánh hay chân đánh”.

Sư nói: “Ghi lấy rõ ràng về sau gặp người mắt sáng, kể lại cho họ”.

✱

✱ ✱

Sư hỏi một Tọa chủ: “Ông giảng kinh gì?”.

Tọa chủ nói: “Kinh Di Lạc hạ sanh”.

Sư nói: “Di Lạc lúc nào hạ sanh”.

Tọa chủ nói: “Hiện còn ở trên Thiên cung chưa đến”.

Sư nói: “Trên trời chẳng Di Lạc, dưới đất chẳng Di Lạc”.

Bình: Kinh Sơn Cảo Thiên Sư nói: “Bồ tát có thằng nào ra hỏi: “Trên trời chẳng Di lạc, dưới đất chẳng Di Lạc” vậy bảo ai hạ sanh? Lại làm sao để trả lời họ? Chỉ nói với họ: “Lão Tăng tội lỗi”.

✱

✱ ✱

Tăng hỏi: Trong mười hai thời lấy gì làm cảnh?”.

Sư nói: “Sao không hỏi Vương lão sư?”

Tăng nói: “Đã hỏi rồi”.

Sư nói: “Đã từng với người làm cảnh chẳng?”.

Tăng hỏi: “Sư về phương trượng đem gì chỉ nam?”.

Sư nói: “Canh Ba đêm qua mất con trâu, trời sáng thức dậy lại mất lửa”.

✱

✱ ✱

Sư vì Đông đường và Tây đường giành con mèo, bị Sư gặp, bạch chúng rằng: “Nói được thì cứu con mèo.

Nói không được thì chém liền”.

Chúng chẳng ai trả lời. Sư bèn chém. Triệu Châu ở ngoài về, Sư bèn kể lại chuyện này cho biết. Triệu Châu cởi giày để trên đầu rồi đi ra.

Sư nói: “Hồi nãy ông nếu có mặt thì cứu được con mèo”.

Bình: Qui Tông Thiền Sư đang cuộc cở, có giảng Tăng đến tham vấn. Bổng có con rắn chạy bò ngang. Sư dùng cuộc chém dứt.

Giảng Tăng nói: “Nghe tiếng Qui Tông đã lâu, ai dè lại là một Sa môn thô hạnh”.

Qui Tông Thiền Sư nói: “Người thô hay ta thô?”.

Giảng Tăng nói: “Thế nào là thô?”.

Sư giơ lên cây cuộc.

Giảng Tăng tiếp: “Thế nào là tế?”.

Sư làm thế chém rắn.

Giảng Tăng tiếp: “Thế thì theo đó mà hành”.

Sư nói: “Theo đó mà hành để một bên. Người chỗ nào thấy ta chém rắn?”.

Tăng không trả lời được.

Chân Tịnh Thiền Sư rằng: “Đại chúng! Chỉ như Qui Tông chém rắn, hỏi Tăng ấy rằng “Người thô, ta thô” chỗ thấy của cổ nhân là thế nào?”.

Nói xong, giờ phát trần lên: “Hôm nay ta giờ phát trần với Qui Tông chém rắn là đồng hay khác?”.

Cách một lát sau, rằng: “Người người có cái thiên chân Phật, diêu dụng tung hoành trọn chẳng biết. Hôm nay rõ ràng cùng chỉ ra. Chém rắn, giờ phát lại do ai?”

Chân Tịnh nói tiếp: “Nam Tuyền chém mèo, Qui Tông chém rắn, trong tông lâm thương lượng còn có tốt xấu tạm ngưng. Chỉ như Triệu Châu đội giày lên đầu đi ra là thế nào? Nếu là rõ được chỗ này thì Đức Sơn quở Phật mắng Tổ có lỗi gì? Nếu ở đây chẳng rõ, Đơn Hà thiêu Phật gỗ, viên chủ rụng lông mày. Cho nên nói họa phúc không của, do người tự chiêu lấy. “Hét một tiếng rồi xuống tòa”.

Tuyết Đậu tụng về Nam Tuyền chém mèo rằng:

Lưỡng đường đều là kẻ tham thiền
Khướy động bụi trần chẳng ngại hà
Nhớ được Nam Tuyền hành chánh lĩnh
Một dao hai khúc mặc ông bình!
Tuyết Đậu tụng Triệu Châu đội giày:
Bổn lai công án hỏi Triệu Châu
Trong thành Trường An mặc đạo chơi
Dép cỏ đội đầu chẳng ai hội
Về đến quê nhà tức liền thôi.

Sư nói: “Văn Thù Phổ Hiền canh ba đêm qua đánh lộn. Mỗi người cho hai chục gậy đuổi ra viện rồi đó”.

Triệu Châu nói: “Gậy Hòa Thượng bảo ai ăn?”.

Sư nói: “Vương lão sư lỗi chỗ nào?”.

Triệu Châu liền đánh lễ.

✽

✽ ✽

Bình: Kinh Sơn Cảo Thiên Sư tụng:

Nam Tuyền không lỗi

Miệng hay chiêu họa

Triệu Châu lễ bái

Thảo tặc đại bại

Kinh Sơn bất quản

Theo việc kết án

Văn Thù Phổ Hiền

Tạm gát một bên.

✽

✽ ✽

Nam Tuyền thượng đường nói: “Vương lão sư tử nhỏ nuôi một con trâu, tính muốn chặn bên khe Đông cũng không khỏi phạm cỏ nước của nhà vua, tính chặn bên Tây cũng không khỏi phạm cỏ nước của nhà vua. Chẳng bằng tùy phận nạp chút chút, trọn chẳng thấy được”.

Thượng đường: “Vương lão sư bán thân đi, có ai mua chẳng?”.

Một Tăng ra nói: “Con mua”.

Sư nói: “Chẳng phải mắc, chẳng phải rẻ, người làm sao mua?”.

Tăng không trả lời.

Sư hỏi Duy Na: “Hôm nay phổ thỉnh, làm việc gì?”.

Duy Na trả lời rằng: “Kéo cối xay”.

Sư nói: “Cối thì cho ông kéo, nhưng không được động tới trục cối chính giữa”.

Duy Na không thể trả lời.

Ngài khai thị rằng: “Chân lý nhất như (*bất nhị*) mạc hạnh, mạc dụng, chẳng có người biết gọi là vô lậu trí, cũng là tánh bất động, vô lậu bất khả tư nghì, tánh không v.v... Chẳng phải dòng sanh tử, đạo là đại đạo vô ngại Niết Bàn, diệu dụng tự đầy đủ mới được chỗ hành khắp nơi mà được tự tại. Nên nói nơi chư hành xứ mà vô sở hành, cũng gọi là biến hành tam muội, phổ hiện sắc thân”.

Chỉ vì chẳng có người biết chỗ dụng của nó vốn chẳng có tông tích, chẳng thuộc kiến văn giác tri, chân lý tự thông, diệu dụng tự đầy đủ. Đại đạo vô hình, chân lý vô đối, nên chẳng thuộc kiến văn giác

tri, chẳng có tư tưởng thô hay tế, như nói chẳng nghe mà nghe là ĐẠI NIẾT BÀN. Cái việc này chẳng phải nghe hay không nghe.

Tăng hỏi: “Đại đạo chẳng thuộc kiến văn giác tri, vậy làm sao khế hội?” (*lãnh hội*).

Ngài đáp: “Cần âm thầm khế hội thì tự thông. Cũng nói liễu nhân chẳng từ kiến văn giác tri mà có, kiến văn giác tri thuộc về duyên, đối vật mới có, đại đạo linh diệu, bất khả tư nghì, chẳng phải có tương đối nên nói diệu dụng tự thông, chẳng y dựa vật nào, cho nên đạo thông chẳng phải y thông. Y thông phải nhờ vật mới được sự thấy, đại đạo thì chẳng nhờ vật.

Nên nói đạo chẳng phải pháp sáng tối, là có là không, lý tiềm ẩn âm thầm tự thông, chẳng có người biết, cũng nói thâm hội chân lý, chẳng phải kiến văn giác tri. “Tâm ngưng (*thôi nghĩ*) đặt bốn nguyên, nên gọi như như Phật, là người tự tại cứu cánh vô y cũng gọi là bốn quả, chẳng từ nhân sanh mà sanh. Văn Thù nói: “Chỉ (*duy nhất*) liễu nhân mà liễu, chẳng từ nhân sanh mà sanh” (*liễu nhân là chẳng có nhân sanh khởi, sanh nhân là có cái nhân sanh khởi*).

Sư Nam Tuyên nói tiếp: “Từ xưa đến nay chỉ bảo người ngộ đạo, chớ nên cầu cái khác. Nếu suy nghĩ ra được đạo lý cao siêu đều thuộc về cú nghĩa (*nghĩa chữ*). Nghĩa lý tam thừa ngũ tánh là chỗ hành, nói

chỗ thọ dụng hằng ngày đầy đủ thì được, nói đạo thì chẳng phải. Nếu chấp thật thì bị ý thức trói buộc, gọi là thế gian trí. Theo giáo môn nói: nếu học giả cứ chấp thật tam tạng giáo điển (*kinh luật luận*) thì thành thọ sẵn, ngư phủ vì lợi dưỡng mà tổn hại đại thừa, cũng là tập khí tham dục. Cho nên Cổ Đức nói: “Phật chẳng hội đạo ta tự tu hành, ta tự có diệu dụng cũng gọi là chánh nhân, liễu sáu Ba La Mật đều KHÔNG, cảnh vật lôi cuốn ta chẳng được”.

Tổ Sư từ Tây Trúc đến, e sợ các người mê chấp nhân quả, địa vị, nên “Truyền pháp cứu mê tình, đốn ngộ hoa tình dĩ (*dĩ tức là xong*)”. (*Tánh là chủng tánh hoa, cũng là Bồ Đề hoa*), nên Mã Tổ nói: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”; dù Tổ trước kia từng nói: Tức tâm, tức Phật. Ấy là lời phương tiện tạm thời như dùng nắm tay không, lá cây vàng để dụ con nít nín khóc. Nhưng hiện nay có người gọi Tâm là Phật, gọi trí là Đạo, cho kiến văn giác tri cũng là đạo. Nếu hội đạo như thế khác gì Diễn Nhã Đạt Đa mê đầu nhận bóng, phát điên bỏ chạy. Dẫu cho nhận được bóng cũng chẳng phải cái đầu bốn lai của mình. Nên Duy Ma Cật quả Ca Chiên Diên dùng tâm sanh diệt thuyết pháp thực tướng, ấy đều là tình chấp kiến giải. Nếu nói: tức tâm tức Phật, cũng như nói: Thỏ ngựa có sừng; nói phi tâm phi

Phật, như nói trâu dê không sừng. Tâm người nếu là Phật, thì đâu cần phải “Tức nó hay là phi nó”. Hình tướng có hay không, lấy tướng gì làm đạo? nên giáo môn cũng chẳng cho.

“Thà làm thầy cho tâm, chẳng cho tâm làm thầy”. “Tâm như đóng vai chánh, ý như đóng vai phụ”, nếu nói Phật có tâm đạo, ấy là chẳng lia được kiến văn giác tri, là do nhân duyên mà có, đều là soi vật mới có, chẳng thể thường soi, cho nên tâm trí đều chẳng phải đạo. Lại đại đạo chẳng phải pháp sáng tối, lia số hữu vô, số lượng chẳng thể đến, như lúc kiếp không (*chưa có trời đất*), chẳng có tên Phật, chẳng có tên chúng sanh, ngay lúc ấy chính là đạo. Chỉ là không ai biết, không ai thấy, số lượng chẳng tiếp xúc nó được, gọi là VÔ DANH ĐẠI ĐẠO. Nói vậy đã lọt vào danh cú rồi! Cho nên chân lý nhất như, chẳng có tư tưởng, vừa có tư tưởng liền bị ám (*ngũ ám*) trôi, sau đó mới có tên chúng sanh, mới có tên Phật. Phật ra đời gọi là tam giới trí nhân, khi Phật chưa ra đời gọi là gì? Phật ra đời chỉ khiến người ngộ đạo, bản thể chẳng phải thánh phàm, gọi là “Hoàn nguyên qui bổn, thể giải đại đạo”. Hôm nay đã ngộ đạo như thế, tức từ vô lượng kiếp đến nay, lục đạo tứ sanh đều có khứ lai, là chỗ hành tạm thời”.

“Bản Hành Tập của bậc Thánh xưa có nói: Ta vô sở bất hành. Tất cả chúng sanh dù đang ở chỗ hành

như thế vì không biết liễu nhân, nên sinh ra tham dục, đó chỉ là tạm thời lạc đường ở nơi trói buộc, chẳng được tự tại. Thật ra cũng như thấy mây trôi cho là trắng động, thấy thuyền xuôi cho là bờ chuyển. Chúng sanh vọng tưởng, vật vốn vô trụ, hướng là có lý hay biến đổi. Nay đã ngộ như thế, cứ theo đó thực hành, chẳng giống như lúc xưa, vì nay đã ngộ liễu nhân bản quả, nên liễu được ngũ ấm KHÔNG, thập bát giới KHÔNG, sáu Ba La Mật đều KHÔNG, cho nên được tự tại”.

Nếu chẳng theo đó thực hành, làm sao thải trừ năm thứ tham, hai thứ dục. Chẳng trụ Thanh văn, chẳng tùy số kiếp, vì chư Phật, Bồ Tát đầy đủ phúc trí. do liễu nhân, liễu sáu Ba La Mật không theo thọ dụng này, chẳng còn tri kiến mới được tự tại.

Đại thánh quả là: nội kiến ngoại kiến, tình lượng chưa sạch. Kẹt nơi nhị chương nhị ngu, cho nên dòng sông kiến chấp hay trôi hương tượng; chân lý vô hình làm sao thấy biết, đại đạo vô hình, lý tuyệt suy lường. Hôm nay hành sáu Ba La Mật, trước tiên dùng liễu nhân ngộ bản quả, biết liễu vật này chỉ là phương tiện thọ dụng, mới được tự do, đi ở tự tại vô chương ngại, cũng gọi là phương tiện cần trang nghiêm, cũng là vi diệu tịnh pháp thân, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, chỉ là không cho có ngăn mé của

tâm lượng. Nếu chẳng có tâm như thế thì tất cả chỗ hành, cho đến búng tay hiệp chưởng đều là chánh nhân, muôn thiện thấy đồng vô tác, vậy mới được tự tại, cho nên thiên ma ngoại đạo tìm ta chẳng thể được, gọi là vô trụ tâm, cũng là vô lậu trí, diệu dụng tự tại bất khả tư nghì, Bồ Đề Niết Bàn! Đây là cảnh giới của người tu hành đều thuộc danh cú. Nếu ngộ bốn lai chẳng phải vật phàm, thì như nước chẳng thể rửa nước. Tại sao vậy? Vì vốn chẳng có vật. Như kinh nói: Trong kho vua thật chẳng có dao này; cũng nói: đối với công đức thiên, hắc ám nữ, vị chủ nhân có trí, cả hai đều không nhận. Vì đạo chẳng phải sáng tối, nên nói tánh hải chẳng phải giác hải, giác hải thuộc duyên cần phải đối vật, tánh hải luôn luôn diệu dụng chẳng có ai biết, gọi là cực vi tế thâu kim sắc thủy trần (*nghĩa là không bị vật nào chướng ngại*). Sở nhân của Bồ Tát gọi là đồ thọ dụng, nếu nước chẳng rửa nước, tức bản thể chẳng phải sáng tối, cũng gọi là vô lậu trí, vô ngại trí. Nếu như thế thì chỗ nào cũng câu thúc ta chẳng được.

Hiện nay lại đuổi theo tri giải ngữ ngôn, kiến lập nghĩa cú để tìm hơn thua, cho là chúng sanh hạ liệt, nói có Phật Thánh cứu độ chúng sanh, cho đến cầu Phật Bồ đề, đều thuộc tham dục, cũng là tỳ kheo phá giới, cách xa với đạo. Đại đạo chẳng có sáng cũng chưa từng có tối, chẳng thuộc tam giới, chẳng quá

khứ hiện tại vị lai. Như Lai tạng thực chẳng che lấp, sư tử đầu từng ở hang, ngũ ấm vốn không, đâu có xứ sở, lại Pháp thân vô vi, chẳng đoạ số lượng. Pháp chẳng lay động, chẳng dựa lục trần, nên kinh mới nói: Phật tánh là thường, tâm là vô thường, cho nên trí chẳng phải đạo, tâm chẳng phải Phật. Nay chớ nên gọi tâm là Phật, chớ hiểu theo kiến văn giác tri. Vật này vốn chẳng danh tự, diệu dụng tự thông, số lượng hạn chế nó chẳng được, gọi là đại giải thoát. Đạo nhân tâm vô sở trụ, dấu tích chẳng thể tìm, nên gọi vô lậu trí là trí bất tư nghì.

Thôi sứ quân hỏi Ngũ Tổ rằng: “Năm trăm Tăng chúng tại sao chỉ có Huệ Năng đại sư được truyền y bát, còn những người khác đều chẳng được?”.

Ngũ Tổ đáp: “Bốn trăm chín mươi chín người kia đều hiểu Phật pháp, chỉ có Huệ Năng là người siêu việt số lượng nên được truyền y bát”.

Thôi nói: “Vậy nên biết đạo chẳng trí ngu và liên bảo đại chúng: “Trọn phải ghi nhớ!”.

Ngài Nam Tuyền nói: “Ghi nhớ thuộc thức thứ sáu, dùng không được!” Lại nói: “Tạm thời đắp y cầu bản, vì các người nói trắng ra, chẳng phải vật Thánh phạm, đâu có làm nhân cho người cũng đâu có làm quả cho người. Nếu làm nhân cho người thì chẳng tự tại, bị nhân quả trói buộc, chẳng được tự do. Khi Phật

chưa ra đời không ai hiểu được, sau Phật ra đời mới cho hiểu được ít phần, hễ thâm hội chí lý thì vô sự tự thông, biết vốn tự vô vật, nếu hiểu theo kiến văn giác tri, tức là báo thân hóa thân, vì có ba mươi hai tướng khác nhau. Nếu báo, hóa đều lìa hết, chẳng còn chỗ kiến lập, tức đồng Như Lai. Thật chẳng phải không cho kiến lập, cũng như Di Lặc trở lại làm phàm phu, nhưng Ngài vẫn hành sáu Ba La Mật, gặp cái nào cũng chẳng chướng ngại, sao mà chẳng cho kiến lập? Ngài chưa từng kẹt nơi Thánh phàm, ở bên kia ngộ rồi qua bên này thực hành mới được phần tự do. Hiện nay người học Phật phần nhiều xuất gia không chịu nhập gia, chỗ tốt thì nhận, chỗ xấu thì không nhận, như thế làm sao được!

Bồ tát hành nơi phi đạo, ấy là thông đạt Phật đạo. Họ đi ở tự do là thế nào? Nếu biết thì bị chỗ sở biết trói, nếu không như vậy thì làm sao chẳng cho! cái định của họ không có biến đổi. Nếu không định thì thuộc về tạo hóa rồi! Vì ta không bao giờ biến đổi nên mười hai phần giáo quyết định chẳng phải ta, nhưng ta lại hướng vào mười hai phần giáo mà thực hành. Nếu mười hai phần giáo là ta thì phải chịu biến đổi rồi!

Nói đại đạo nhất như, vô sư tự như thế, vì như như bất biến nên chưa từng mê, báo thân hóa thân

chẳng phải chân Phật, chớ lầm nhận pháp thân. Quả báo Thánh phàm đều là bóng, nếu nhận lấy thì thuộc sanh diệt vô thường rồi. Theo thô tế mà nói thì mấy may chẳng lập. Lý cùng tánh tận thì tất cả đều KHÔNG, như lúc thế giới chưa thành, hư vô trống rỗng, chẳng tên Phật, chẳng tên chúng sanh. Như vậy mới có phần tương ứng, ở bên kia ngộ rồi thì ở bên này thực hành, chẳng chứng quả Thánh phàm. Theo căn bản mà nói, thực chẳng có pháp nào để đắc, huống là có những tên gọi sai biệt như tam thừa ngũ tánh ư! Hễ có nhân có quả đều thuộc sanh diệt vô thường, tâm như cây khô mới có ít phần tương ứng.

Phải biết từ vô lượng kiếp đến nay tánh không biến đổi tức là tu hành, diệu dụng mà chẳng trụ là hạnh Bồ Tát. Thông đạt các pháp không, diệu dụng tự tại là sắc thân tam muội, luôn luôn hành sáu Ba La Mật nơi nào cũng vô ngại, dạo nơi địa ngục cũng như vườn hoa, chẳng thể nói họ không có tác dụng. Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, mê tự bản tánh, chẳng tự liễu ngộ, bị mây trần che khuất, dính mắc các thứ ác dục, cũng như thấy mây bay cho là trắng động, thấy thuyền xuôi cho là bờ chuyển, tạm thời lạc đường chẳng được tự tại, chịu đủ thứ khổ mà chẳng tự biết. Nay nếu ngộ được thì bản tánh xưa nay chẳng khác".

Ngài sắp tịch, thủ tọa hỏi: "Hòa thượng trăm năm

sau đi về đâu?”

Ngài nói: “Đi dưới núi làm một con trâu”.

Thủ tọa nói: “Con theo Hòa Thượng đi được chăng?”

Ngài nói: “Nếu theo ta thì phải ngậm một cọng cỏ lại đây!”.

Xong, Ngài thị hiện có bệnh, ngày 25 tháng chạp, năm Giáp Dần, thuộc năm thứ tám niên hiệu Đại Hòa (CN.834). Tảng sáng, bảo môn đồ rằng: “Cái thân huyền hóa đã lâu rồi, đừng cho ta có khứ lai!” Nói xong, Ngài liền tịch, tuổi đời tám mươi bảy, tuổi Tăng năm mươi tám.

HẾT

BỬU TẠNG LUẬN
CỦA NGÀI TĂNG TRIỆU

LỜI DỊCH GIẢ

Bửu Tạng Luận tác giả là Tăng Triệu, bài luận này và bộ Triệu Luận đều có ghi trong tập 96 của Tục Tạng Kinh, nhưng bộ Triệu Luận đã lưu hành từ xưa nay, mà trong đó lại sót bài luận này.

Chúng tôi xét thấy bài luận này diễn tả thể dụng của tự tánh rất hay, nhất là dùng hai chữ LY VI để sáng tỏ bản thể của tự tánh. Tự tánh vốn chẳng thể dùng lời nói để diễn tả được mà tác giả lại phương tiện giải thích rất kỹ càng.

Chúng tôi hy vọng độc giả nhờ bài luận này được tăng cường lòng tin đối với tự tâm, do đó quyết chí tu hành cho đến kiến tánh, chớ nên lầm tưởng, chấp thật lời phương tiện cho là chẳng cần tu, cũng như tự tánh chẳng cần ăn cơm mặc áo, nhưng người học đạo vẫn cần ăn cơm, mặc áo vậy.

PHẨM QUẢNG CHIẾU KHÔNG HỮU

THỨ NHẤT

“KHÔNG” nếu làm “KHÔNG” được thì chẳng phải chơn không, “SẮC” nếu làm “SẮC” được thì chẳng phải chơn sắc; Chơn sắc vô tướng, chơn không vô danh, vô danh là cha của danh, vô tướng là mẹ của tướng, ấy là nguồn gốc của muôn loài, thái tổ của trời đất, trên tỏ rõ đủ thứ hình tượng, dưới bày ra nhà cửa cây cối, nguyên khí (tự tánh) hàm nơi đại tượng, đại tượng ẩn nơi vô tướng, ấy là cái linh tánh hay nhận vật trong linh có thân, trong thân có thân, vô vi biến hóa, mỗi mỗi theo nơi tự nhiên.

Vừa móng lên chút sự dụng thì dần dần mới có danh tướng, tướng sanh khởi khi chưa có thật chất, danh lập ra lúc chưa có tên gọi, danh tướng đã hiện thì du khí ⁽¹⁾ làm đục cái trong sạch của tự tánh, từ tịch liêu trống rỗng sanh ra đủ thứ phân biệt, trên thì có vua, dưới thì có thần, cha con thân cận cùng ở, tôn ty ngôi bậc khác nhau, đời sống văn minh bắt đầu, con người thành lập gia đình, rồi từ đó tụ nhau hình thành bộ lạc, trong mỗi bộ lạc gồm nhiều hộ,

(1) Du khí: vọng tưởng hóa thành khí trực, phù du lơ lửng trong hư không gọi là Du khí.

mỗi người tự giữ lấy bốn phận của mình.

Vì an ninh trật tự mà đặt ra lễ giáo, nên có danh từ để phân chia thiện ác, người thiện được trọng, kẻ ác bị khinh; người trí thông thả, kẻ ngu tự trối, từ đó mống khởi đủ thứ thị phi, trên bày ra sự phiền phức, dưới chẳng có sự an vui, làm mất cái ý chí tự nhiên của con người, bị bó buộc vào khuôn khổ của ngoại vật, mê lầm hữu vi của vô vi, động thành tác dụng của hữu tác.

Giáo hóa đã thi hành, khiến trên dưới đều phải tuân theo, cho nên, thanh lập ngũ âm, sắc lập ngũ sắc, danh lập ngũ hạnh, đức lập ngũ đức, có thầy có trò, thầy đã dạy bảo trò phải tuân theo, may may xê dịch, lỗi bằng Tu Di. Luật cấm khi chưa phạm, phòng ngừa lúc chưa làm, có nhiều điều hạn chế, chẳng tha thứ khoan hồng. Tại sao vậy? Vì con người tham dục chẳng biết đủ, từ đó sanh ra hỗn loạn.

Trời đất vắng lặng, vũ trụ trống rỗng, trong niệm vừa dậy lên chút bụi trần, liền thành lớp màng che phủ con mắt của tự tánh.

Cái bản thể lừng lẫy vốn là trong ngoài thần linh, vọng tưởng bỗng khởi thì Chơn Nhất (*tự tánh*) ẩn dấu, do vọng sanh ý thức phân biệt nên chơn tánh bị mê hoặc, chẳng cần cầu mà mong cầu, chẳng cần đắc mà muốn đắc, nói về lý thì vô cùng, nói về vật thì vô tận, từ đó sanh ra động loạn, bên trong sanh khởi

tam độc, bên ngoài lãnh thọ ngũ dục, thân tâm bận rộn bối rối, đuổi theo thấy nghe, tùy cảnh tạo tác, như lửa cháy bùng.

Nên bậc Thánh kiến lập chánh giáo, nói ra chơn lý, khiến những kẻ ngu muội có nơi nương tựa, tu vô vi, ngưng hữu vi, dần dần đến chỗ như như. Cái lý như như này là bản thể của chơn tánh, chẳng thể tu chứng, chẳng thể mong cầu, chỉ là tánh tịch diệt vậy.

Nói đến chữ CHƠN là tổ tiên của vạn vật, chẳng thế giới, chẳng chúng sanh, chẳng bờ bến, chẳng xứ sở, là căn bản của tam giới, chẳng cho mắt thấy tai nghe, chẳng có hôn phách và sắc tướng. Người tu chánh pháp trước tiên phải lìa tướng, bất tình ái, chẳng đuổi theo vật, chẳng chấp sanh tử, mới có thể dung hợp đại đạo, thông đạt thần minh.

Có dụng là thần, có tướng là thân, vô vi là đạo, vô tướng là chơn, tùy vật lập danh, theo vật tạo tác, thường trụ thường tồn, chẳng sanh chẳng diệt, lý hợp muôn đức, sự tỏ khôn khéo, sự dù vô cùng, lý chỉ có một. Chẳng có người chứng, chẳng có kẻ đắc, nhưng chẳng chứng chẳng đắc, nơi tâm vẫn còn mê hoặc, cái tâm chẳng chơn lại mê hoặc người khác, hoảng hốt như gặp ma, dùng tư tưởng suy cứu thì cuối cùng chẳng có gì cả.

Như gương bóng có bụi, như trời bóng có mây, tất

cả duyên khởi với nhau, vì vọng chấp thật có tồn tại, có vọng là ngu, chẳng vọng là chơn, như băng chơn tan thành nước, nước vọng đóng thành băng, băng nước dù hai, bản thể chẳng khác. Mê vọng là ngu, ngộ chơn là trí, mùa đông thì băng chẳng thể tan, mùa xuân thì nước chẳng thể đóng, nên ngu chẳng thể sửa ngay, trí chẳng thể liền được, băng tan dần rồi mới chảy vào biển cả, ấy là cái đạo của tự nhiên, sự dụng của nhiệm mầu, chẳng phải tâm niệm có thể suy lường, chỉ có thể kéo dài mãi mãi, chẳng thể siêng năng tìm cầu.

Cái nhân duyên vào đạo có muôn ngàn đường lối, như cá bị kẹt nơi vũng lầy, chim bệnh mắc trong đám sậy, cả hai đều chẳng biết nơi biển lớn rừng sâu, con người tu theo tiểu thừa thì cái nghĩa cũng vậy. Ấy là phí công tu lâu, ngưng nghỉ giữa đường, vì chẳng thông đạt được lý như như, bỏ lớn cầu nhỏ, được ít cho là đủ, tự an nơi tiểu an, chẳng bằng sự an ổn của đại an.

Nói “Đại” là mệnh mông chẳng bờ bến, tất cả hàm linh vạn vật đều đồng, ứng cơ thì có muôn ngàn phương tiện, biến hóa thì có đủ thứ tướng hiện, nhưng chẳng xuất chẳng nhập, sự dụng chẳng có gián đoạn.

Có tâm vô tướng, có dụng chẳng người, thị hiện

sanh mà vô sanh, thị hiện thân mà vô thân, thường suy lường mà chẳng lường, thường biết mà chẳng biết, vi mà vô vi, đặc mà vô đặc, gương tỏ ngàn tượng, nước hiện muôn sắc, trong bóng phân ra trần thế tam giới, ứng dụng vô tận, vô tướng mà thành tướng, vô danh mà lập danh, loài vật cảm ứng với nhau, hòa hợp mà sanh. Nhưng sanh cũng chẳng sanh, tình cũng chẳng tình chúng sanh gọi là Thánh, chúng sanh gọi là Minh, đủ thứ danh hiệu, tùy mọi vật mà gán tên, kỳ thực đều lấy Vô Vi làm tông chỉ, Vô Tướng làm dung mạo, trống rỗng đồng như hư không, muốn tìm thì chẳng có xứ sở, mà sự dụng thường ở trong đó. Kẻ đặc là NHẤT, kẻ chúng là MẬT, đặc thì bất NHẤT, chúng thì bất MẬT, nhưng phi bất NHẤT, phi bất MẬT, bản thể âm LY, sự dụng dương VI (*âm LY và dương VI, giải thích nơi phẩm sau*), nói lý thì vô cùng, nói hành thì vô tận, ấy gọi là THÁI VI (*tự tánh*). Cũng như cây cỏ vô cùng, nước suối vô tận, gió thổi chẳng ngưng, tiếng chuông chẳng ngừng, loài vật còn như vậy, hướng chi là đạo! Sự hữu ắt phải chóng mất, sự vô ắt được lâu dài, trời đất dù có thay đổi, hư không luôn luôn trống rỗng.

Người học đạo thì học theo vô dư, kẻ chẳng học đạo thì học theo hữu dư. Vô dư thì đạo gần, hữu dư thì đạo xa, tri hữu thì hữu hoại, tri vô thì vô hoại, sự

tri của chơn tri, hữu vô đều chẳng chấp, nơi hữu mà chẳng hữu, nơi vô mà chẳng vô, hữu vô đều chẳng chấp thì tánh tướng như như, bản thể của tự tánh tịch nhiên vô vật, sự dụng từ đó mà ra. Nếu chẳng như thế thì trở thành nhiều vọng nhiều sai, trong có mộng tưởng, do đó huân tập thành nhiều bệnh, chẳng hung mà hung, chẳng kiệt mà kiệt (*lành*), những việc kiệt hung, chướng ngại chơn nhất, nên người hành đạo chẳng nên mê theo mộng tưởng. Người học đạo có ba loại: một gọi là chơn, hai gọi là lân (*lân cận*), ba gọi là văn (*nghe*), tập học gọi là văn, tuyệt học gọi là lân, vượt cả hai này gọi là chơn. Người chẳng học đạo cũng có ba: bậc thượng gọi là tường, bậc trung gọi là lương, bậc hạ gọi là ương (*tai họa*); cực vui gọi là lương, cực khổ gọi là ương, chẳng khổ chẳng vui gọi là tường, nhưng ba loại này đều chẳng nhập chơn thường, tức là chẳng phải đạo vậy. Tự tánh nhiệm mầu, sự dụng mênh mông, hễ tâm trần nhiễu động thì như biển nổi làn sóng, thành sự sanh tử luân hồi trong lục đạo, chẳng thể dùng đạo tiếp tế, chẳng thể dùng Chơn cứu giúp, thật đáng buồn thay! Chư Phật thương xót như mẹ nhớ con, dù muốn độ hết nhưng phải có cơ duyên, nên có duyên thì hiện, chẳng duyên thì ẩn, đại đạo như thế, xưa nay đều vậy, chẳng thể thành linh, chẳng thể làm gấp. Chơn tánh tự có trí,

trong trí tự có bi (*từ bi*), bi hay cứu khổ, khổ cứu chẳng được, Chỉ tự lao nhọc, hễ khi độ được thì cứ độ tiếp mãi. Nhưng chúng sanh thường ở trong mộng tưởng, dù học đạo siêng năng tinh tấn, nhưng chẳng tin tự tâm, mà tìm kiếm bên ngoài, lạc mất đường lối chánh pháp, như ô uế làm đục nước trong, bởi do tình chấp thật có thật không, chẳng lìa được phiền não, thật là khổ thay! Mặt trời ẩn trong đám mây, dù sáng mà chẳng chiếu; trí huệ ẩn trong mê hoặc, dù chơn mà chẳng phải đạo. Tại sao vậy? Vì tự mình chưa ra khỏi ràng buộc, cho nên xa thì chẳng thể dung hợp, gần thì chẳng thể lìa bỏ, kẻ chưa đạt đạo chẳng nên làm càn! Kẻ quyết quay về thì chẳng màng việc sau, kẻ quyết chiến thì chẳng màng cái đầu, kẻ quyết học thì chẳng quý cái thân, kẻ quyết học đạo thì chẳng quý nơi sự, nhập chẳng dấu tích, xuất không chỗ tìm, ngộ vô sở đắc, phan duyên tự tịch, tịch mà chẳng sanh, tự thể vô danh, vô danh là thật, lý chẳng ngoài dục, hằng sa công đức, rõ ràng cụ túc. Loài vật sống trong vỏ như cua, ốc thì chẳng biết sự rộng lớn của vũ trụ; loài vật sống trong ao giếng thì chẳng biết sự mênh mông của biển cả, trong tối thì chẳng sáng, trong sáng thì chẳng tối, các pháp mỗi mỗi chẳng biết nhau, nên vật cách tình lìa, nghịch tình thì khó hiểu, cũng như trái táo có

sâu, bên trong đã hư mà bên ngoài vẫn tốt; như nước với cát cùng chảy thì trên trong dưới đục; cũng như quốc gia có gian thần thì đất nước chẳng yên, hễ trong tâm có ẩn giấu hình tướng thì vạn vật đều loạn. Tại sao? Vì đã mắc bệnh vậy.

Cho nên, hễ vật có linh (*giác tri*), linh tất có yếu (*tà vọng*), yếu tất có đục, đục tất có tâm (*ý thức phân biệt*), tâm tất có tình, tình động thành đục, yếu phát thành tình (*yêu tình*), tình mê nơi thân, đục mê nơi chơn. Vậy thì người học đạo chẳng nên lọt vào loại lân (*tuyệt học*), cũng như gương cổ chiếu soi yêu tình thì yêu tình tự hiện hình, cổ giáo (*giáo pháp của cổ đức*) chiếu soi nơi tâm thì tâm tự minh.

Hễ nói về trời đất thì có trên dưới; nói về nhật nguyệt thì có Đông Tây, nói về thân thể thì có bĩ thử, nói về tâm thức thì có thị phi, nếu không có bĩ thử thì thị phi chẳng sanh. Chỉ vì vật theo hình đối, tình tùy vật dời, trong ngoài lay động, tâm đuổi theo vật, tự thành lao nhọc, khi sống thành người, khi chết thành hồn, tương tự tương tục, như thân trong chiêm bao, khi chiêm bao thì chấp cái thân trong chiêm bao là ta, vậy thì cái thân thức tỉnh chẳng phải ta; khi thức tỉnh thì chấp cái thân thức tỉnh là ta, vậy thì cái thân trong chiêm bao chẳng phải ta. Kỳ thực, tất cả đều như chim bay trên trời, chẳng có dấu tích,

những hiện tượng kỳ lạ khó suy khó lường, âm dương tương đối, vông tượng âm thâm, mỗi mỗi tự có nhân quả?, sự vật như huyền hóa, đủ thứ hiện tượng đều chẳng phải thật, ấy gọi là bất chơn, chỉ làm mê hoặc con người.

Chơn lý trống rỗng, vốn là vô thân, sự thần thông biến hóa như con rồng trên trời, sự che khuất vũ trụ như mây bông tự, ấy chưa phải là quý, ấy chưa phải là chơn, nếu chấp đó cho là thật tức là người chưa đạt đạo.

Hoặc có hình tướng đẹp đẽ, hoặc có ngôn ngữ biện tài, hoặc có trí huệ thông minh, hoặc có ứng dụng khéo léo, nếu chấp ấy cho là đạo cũng chưa phải là việc lành vậy. Sự hữu tất bất chơn, tạo tác tất bất thường, trời đất còn phải hoại, huống là vật chất, đâu thể vững chắc lâu bền!

Chỉ có đạo là vô căn (gốc), trạm nhiên thường tồn, chỉ có đạo là vô thể, vi diệu thường chơn, chỉ có đạo là vô sự, xưa nay thường quý; chỉ có đạo là vô tâm, muôn vật đầy đủ. Nên đại đạo vô tướng, vô hình, vô sự, vô ý, vô tâm hay lợi ích chúng sanh vạn vật, làm chủ cho tất cả người và vật.

Vạn vật đều có đối đãi, chỉ có đại đạo độc tồn, bên ngoài chẳng có cái khác, bên trong chẳng phải trống rỗng, chẳng trong chẳng ngoài, bao hàm Thái Nhất (tự

tánh), gồm cả vũ trụ, vạn vật đầy đủ.

Cái thực tướng ấy phi nội phi ngoại, phi tiểu phi đại, phi nhất phi dị, phi minh phi muội, phi sanh phi diệt, phi thô phi tế, phi không phi hữu, phi khai phi bế, phi thượng phi hạ, phi thành phi hoại, phi động phi tĩnh, phi quy phi thệ (*mất*), phi thâm phi hiển, phi ngu phi huệ, phi nghịch phi thuận, phi thông phi tắc, phi bản phi phú, phi tân phi cổ (*cũ*), phi hảo (*tốt*) phi tệ (*xấu*), phi cương phi nhu, phi độc phi đôi.

Tại sao vậy? Nếu nói là nội thì bao hàm pháp giới, nếu nói là ngoại thì ứng dụng đầy đủ, nếu nói là tiểu thì phổ khắp xa gần, nếu nói là đại thì nhập vào vi trần, nếu nói là nhất thì hình tướng đủ thứ, nếu nói là dị thì bản thể vô vật, nếu nói là minh thì mờ mờ mịt mịt, nếu nói là muội thì chiếu soi sáng tỏ, nếu nói là sanh thì vô tướng vô hình, nếu nói là diệt thì xưa nay thường linh, nếu nói là thô thì rút thành hạt bụi, nếu nói là tế thì thân bằng Tu Di, nếu nói là không thì sự dụng mênh mông, nếu nói là hữu thì chẳng có dung mạo, nếu nói là khai thì chẳng nhập trần ai, nếu nói là bế thì nghĩa rộng vô biên, nếu nói là thượng thì bình đẳng vô tướng, nếu nói là hạ thì chẳng vật nào so bằng, nếu nói là thành thì duyên hết liền tan, nếu nói là hoại thì luôn luôn tồn tại, nếu nói là động thì trạm nhiên vắng lặng, nếu nói là tĩnh

thì bận rộn lăng xăng, nếu nói là quy thì đi mà chẳng về, nếu nói là thệ thì ứng cơ trở lại, nếu nói là thâm thì vạn vật cùng ở, nếu nói là thiên thì gốc chẳng thể tìm, nếu nói là ngu thì ứng cơ chẳng sai, nếu nói là huệ thì tịch diệt vô dư, nếu nói là nghịch thì có tín có tựa, nếu nói là thuận thì vật chẳng thể trối, nếu nói là thông thì chẳng thấu tông tích, nếu nói là tắc thì ra vào trống rỗng, nếu nói là bản thì muôn ngàn công đức, nếu nói là phú thì chẳng có một vật, nếu nói là tân thì sẵn từ đời xưa, nếu nói là cổ thì vật chẳng ô nhiễm, nếu nói là hảo thì chẳng vật để giữ, nếu nói là tệ thì từ xưa vẫn vậy, nếu nói là cương thì sanh diệt bất thường, nếu nói là nhu thì sức mạnh vô cùng, nếu nói là độc thì hằng sa chủng tộc, nếu nói là đôi thì chơn nhất chỉ một.

Nên đại đạo chẳng thể dùng chữ NHẤT để gán tên, chơn lý chẳng thể dùng một nghĩa nào để diễn tả, nay chỉ thể trình bày đại khái, chẳng thể tỏ rõ tận cùng, dù cho chặt đầu thiêu xác cũng chẳng thể làm thương tổn sự sanh, kim đơn cam lồ cũng chẳng thể giữ mãi sự sanh, nếu chơn sanh thì bất diệt, chơn diệt thì bất sanh, nên có thể gọi là thường diệt, cũng có thể gọi là thường sanh. Kẻ ham sanh sợ diệt ấy là chẳng ngộ lý thường diệt, kẻ muốn diệt chán sanh ấy là chẳng ngộ lý thường sanh, nhưng kẻ mê người ngộ đều là chẳng thấy Chơn Nhất, vì có tâm lấy bỏ, đuổi

theo tình chấp hư vọng vậy.

Thường không chẳng có, thường có chẳng không, nếu cả hai chẳng đối đãi thì mỗi mỗi đều là chánh tông. Cho nên bậc Thánh tùy có nói có, tùy không nói không, không chẳng trái có, có chẳng trái không, hai lời chẳng bệnh, hai nghĩa đồng thông. Cho đến nói “ngã” cũng chẳng trái với “vô ngã”, nói “sự” cũng chẳng trái với “vô sự”, nên chẳng bị lời nói xoay chuyển.

Dúc vàng thành người, nếu chỉ nhìn người mà chẳng nhìn vàng thì bị hình tướng mê hoặc, ấy gọi là mê. Tại sao? Vì mất cái chơn vậy. Thế thì tất cả đều huyền, hư vọng chẳng thật, biết huyền là huyền, trong giữ Chơn Nhất, ngoài chẳng nhiễm vật, ấy là sự trống rỗng của Thái Nhất, thì chơn đâu có mất! Quên tâm bỏ ý, thể lìa bệnh tật (*bệnh chấp thật*), một tướng chẳng sanh, kiết hung tịch lặng, kiết còn không theo, hung làm gì được! Sự kiết sự hung đều chẳng nương tựa.

Đường lối vào đạo như nước trong lặng hiện bóng vạn tượng, trong ngoài rõ ràng, tâm chẳng nổi, ý chẳng sanh, chẳng xuất chẳng nhập, trạm tịch như như, trong ngoài chẳng nhiễm, vật chẳng biết nhau, chẳng nhờ lời nói văn tự, mỗi mỗi tự có cái Bản Nhất. Như lửa chẳng nhờ mặt trời mà nóng, gió

chẳng nhờ mặt trăng mà mát, sáng chẳng nhờ tối, khô chẳng nhờ ướt, vật vật còn chẳng nhờ nhau huống chi là đạo!

Vạn vật do con người mới được hiện ra sự dụng, người phụ thuộc nơi vua, vua nương tựa nơi người, ngộ được tất cả bất nhị ấy gọi là Phật, tam giới độc tôn, giác ngộ vô vật, chẳng làm mà làm, việc làm đã xong, hiệu Chánh Biến Tri. Là đạo sư của trời người, dẫn dắt chúng sanh, phương tiện tùy nghi, lý tính dù hư vô, ánh sáng siêu huệ nhật, chiếu khắp mười phương, trên dưới cùng được lợi ích. Chẳng muốn khác với con người, chẳng muốn khác với trần thế, chẳng muốn khác với nghĩa lý, chẳng muốn khác với nhân quả, tất cả đều bình đẳng bất nhị, nhất thể viên thông, lý ấy khó thấy, nhờ sự giả thiết phương tiện, lập ra pháp số, vấn đáp, ngôn luận, tùy cơ ứng hiện, gọi là chơn thật của Đại Tượng.

Kẻ ham bên ngoài là chấp trần, kẻ ham bên trong là chấp thân, kẻ ham thấy nghe là chấp tâm, dựa theo lục trần là dục giới, dựa theo hình tướng là sắc giới, dựa theo tâm so đo là vô sắc giới, diệt ba loại này gọi là đạo đế, hễ diệt đế tức là đạo vậy.

Nhưng cái đạo này chỉ là phương tiện tạm thời, chưa phải là chánh, tam giới hư vọng chẳng thật, lục đạo như mộng huyễn vô vật. Người đạt đạo chẳng bỏ

một pháp, chẳng đắc một pháp, chẳng tu một pháp, chẳng chứng một pháp, tự tánh thiên chơn trong sạch, gọi là đại đạo.

Do đó quán khắp thiên hạ, tức người tức chơn, nếu ngộ lý này thì bình đẳng đồng một, nhưng kẻ học đạo này đã hiếm có, mà kẻ đắc đạo này lại càng ít hơn, vì việc này thâm sâu, mịt mù khó biết, người biết được là đạo sư, kẻ thông suốt là yên ổn, động tác vô tâm thì tác mà vô vi, vô vi mà vi thì vô sở bất vi, hòa quang tùy vật nên vật chẳng thể trói.

Ở nơi trời đất, khắp cả vũ trụ, có một bửu vật, ẩn trong hình tượng, tự tánh linh chiếu, trong ngoài trống rỗng, tịch lặng khó thấy gọi là Huyền Diệu. Sự dụng khéo léo ra ngoài tướng tượng, sức lực ẩn nơi hư vô, tùy cơ giáo hóa mà chẳng động, độc nhất không hai, hễ lên tiếng thì phát ra diệu âm, hiện hình thì tỏ ra diệu sắc, muốn thấy thì chẳng có xứ sở, chỉ có thể tạm gán tên gọi là không không. Chỉ giữ âm thanh, chẳng thấy hình tướng, chỉ giữ công đức, chẳng thấy dung mạo, ẩn hiện đều chiếu soi sáng tỏ, vật và lý dung thông ấy là bửu ấn của sum la, chơn tông của vạn tượng.

Nói về hình tướng thì âm thầm tịch lặng, bản thể trong sạch mà chẳng phải sáng, pháp vốn viên mãn, quang minh siêu nhứt nguyệt, đức dụng vượt vũ trụ,

vạn vật vô tác, tất cả vô danh, chuyển biến trời đất, tự tại tung hoành, hăng sa diệu dụng, hỗn độn mà thành. Ai nghe được chẳng vui mừng, ai thấy được chẳng ngạc nhiên, chúng sanh tại sao cho cái bữu vật vô giá đem chôn vùi trong hầm của ngũ ấm lục nhập! Sự đen tối nhiều kiếp làm sao mà sáng được? Ấy là tự khinh, thật đáng thương xót!

Cái bữu vật ấy sáng lạn chói chang, chiếu khắp mười phương, tịch nhiên chẳng động, sự dụng cảm ứng rõ ràng, tùy thanh ứng thanh, tùy sắc ứng sắc, tùy âm ứng âm, tùy dương ứng dương, kỳ lạ chẳng gốc, trạm nhiên thường tồn, mắt nhìn chẳng thấy, lắng tai chẳng nghe, bản thể nhiệm mầu, muôn ngàn biến hóa, diệu dụng linh động gọi là tinh vi của đại đạo.

Cái tinh vi ấy rất chơn thật, là nhân sanh khởi của vạn vật, tịch liêu thường trụ, chẳng gì so bằng. Nên kinh nói: “Tùy nơi tâm tịnh tức Phật độ tịnh”, diệu dụng sum la gọi là Bạc Thánh.

HẾT PHẨM THỨ NHẤT

PHẨM LY VI THỂ TỊNH

THỨ HAI

Nhập là **LY** (*lìa*), xuất là **VI** (*tế*). Ngoài **LY** biết nhập thì ngoại trần chẳng có chỗ dựa, trong **VI** biết xuất thì vọng tâm chẳng có chỗ tạo tác, trong tâm chẳng tạo tác thì chư kiến (*đủ thứ kiến chấp*) chẳng thể chướng ngại, ngoại trần chẳng chỗ dựa thì vạn vật chẳng thể trói buộc. Vạn vật chẳng thể trói thì tướng niệm chẳng đuổi theo cảnh, chư kiến chẳng chướng ngại thì tịch diệt bất tư nghi. Sao gọi là **THỂ TỊNH**? Vì bản thể tự **LY VI** vậy.

Nói về thể nhập nên gọi là **LY**, nói về sự dụng nên gọi là **VI**, dung hợp thành một thì chẳng **LY** chẳng **VI**. Thể **LY** thì chẳng thể nhiễm, chẳng nhiễm nên chẳng phải tịnh, thể **VI** thì chẳng thể có, chẳng có nên chẳng chỗ dựa, vậy thì dùng mà chẳng có, tịch mà chẳng không. Chẳng không nên chẳng phải đoạn, chẳng có nên chẳng phải thường.

Cái tánh của **LY VI** chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng tu chẳng học, chẳng phải xưa không mà nay có, chẳng phải xưa có mà nay không. Cho đến một pháp chẳng sanh, một pháp chẳng diệt, chẳng phụ thuộc nơi tam giới, chẳng biến hóa theo lục đạo, chẳng sửa đổi theo ngũ trí, chẳng xoay chuyển theo chơn vọng, phổ biến

bình đẳng, tất cả viên mãn gọi là một đại pháp giới, cũng gọi là nguồn gốc của sự ứng cơ giáo hóa. Kẻ mê thì uổng tu nhiều kiếp, kẻ ngộ thì ngay đó tịch lặng, hề có sự ham muốn thì chẳng thấy cái LY, hề có sự tạo tác thì chẳng thấy cái VI.

Kẻ chẳng thấy LY tức là bên ngoài khỏi trần lao, ngoài khỏi trần lao nên bị cảnh ma nhiễu loạn, trong nổi ác kiến nên bị tà kiến mê hoặc, trong ngoài đã có nhân duyên sanh khởi thì Chơn Nhất tự ẩn.

Vì vậy kẻ mê LY nhiễm theo vọng gọi là phàm phu, kẻ mê nhiễm LY theo vọng gọi là nhị thừa, kẻ thông đạt bốn tánh của LY gọi là Bồ tát, kẻ liễu đạt tam thừa chẳng khác gọi là bình đẳng Chơn Phật. Nhưng lý ấy thâm sâu, ngôn thuyết chẳng thể hiển bày, hình tướng chẳng thể tỏ rõ, muốn tỏ hình tướng thì mê nơi vô tướng, muốn hiển ngôn thuyết thì mê nơi vô thuyết, nếu chẳng hiển chẳng tỏ thì đại nghĩa khó thông, nên huyền đạo LY VI, chơn lý khó tả.

Sở dĩ nói LY, là vì bản thể chẳng hợp với vật, cũng chẳng là vật. Như gương sáng hiện bóng vạn tượng, mà gương sáng chẳng hợp với bóng, cũng chẳng là bóng. Cũng như hư không, dung nạp tất cả mà chẳng hợp chẳng là, ngũ sắc chẳng thể ô nhiễm, ngũ âm chẳng thể nhiễu loạn, vạn vật chẳng thể trói buộc, sum la chẳng thể hỗn tạp nên gọi là LY vậy.

Sở dĩ nói **VI** là vì diệu thể vô tướng, vô hình vô sắc, ứng dụng mọi thứ mà chẳng thấy dung mạo, gồm đủ vạn năng mà chẳng hiện công đức, mắt nhìn chẳng thấy, lắng tai chẳng nghe, mà sẵn đủ hàng sa công dụng, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng lìa chẳng tan nên gọi là **VI** vậy.

Hai chữ **LY** và **VI** là pháp yếu của đạo, sự cảm giác của lục căn chẳng dấu tích gọi là **LY**, muôn ngàn ứng dụng chẳng có ngã gọi là **VI**. **VI** tức là **LY**, **LY** tức là **VI**, vì nói theo căn trần nên giả lập hai tên, mà bản thể vốn là một.

Người học đạo đều muốn dứt phiền não, cầu Bồ đề, bỏ tiểu thừa, vào đại thừa, nhưng trong diệu lý thật chẳng có những việc này. Bản thể **LY** thì vốn chẳng có phiền não để dứt, chẳng có tiểu thừa để bỏ; bản thể **VI** thì chẳng có Bồ đề để cầu, chẳng có đại thừa để vào. Tại sao? Vì chẳng một pháp có thể tương ứng vậy. Cho nên bậc Thánh chẳng dứt vọng, chẳng chứng chơn, ứng dụng vạn năng mà chẳng tác ý. Nếu thật muốn cầu pháp thì phải vô sở cầu, vì chỗ thực tế vốn vô danh, cũng chẳng cần mong cầu, ấy gọi là Diệu Giác.

Nói **LY** và **VI** chẳng phải vọng tâm có thể biết, chẳng phải tà trí có thể hiểu, vọng tâm tức là lục thức, tà trí tức là nhị trí (*quyền trí và thật trí*). Vì

bản thể Chơn Nhất nên nhị trí chẳng thể hiểu, vì bản thể vô vật nên lục thức chẳng thể biết; chẳng một pháp từ bên ngoài đến, chẳng một pháp từ bên trong ra, cũng chẳng một pháp do hòa hợp mà sanh, nên gọi là Thái Thanh, cũng gọi là Chơn Tinh (*tự tánh*). Vì bản thể lia tất cả tri kiến nên chẳng thể dùng ý thức để đo lường, vì bản thể lia tất cả số lượng nên chẳng thể dùng lời nói diễn tả, cho nên Duy Ma Cật im lặng, Như Lai tịch nhiên, dù nói các thừa, đều là phương tiện để khai thị ngộ nhập tri kiến Phật.

Nói biết là biết LY, Nói thấy là thấy VI, nên Kinh nói “Thấy VI gọi là Phật, biết LY gọi là pháp”. Hễ biết LY thì chẳng lọt vào tất cả phiền não, hễ thấy VI thì chẳng lọt vào tất cả hư vọng; chẳng có hư vọng thì lý Chơn Nhất hiện, chẳng có phiền não thì sáng tỏ tự nhiên.

Diệu nghĩa của LY VI chẳng một chẳng hai, ngôn thuyết chẳng thể nói, phải dùng thâm tâm thể cứu mới được sáng tỏ hiện tiền. Người học đạo chẳng nên quên cái đạo LY VI, đuổi theo tình thức, lời nói trái với tâm thì nghĩa lý chẳng thật.

Nếu đối cảnh vô tâm, gặp duyên chẳng động, dụng công chẳng kể ngày đêm, chẳng màng đến động tịnh, chú tâm một chỗ, mới có thể khế ngộ. Hễ có sự

lấy bỏ, vọng có sở tu, vọng có sở chứng, đều chẳng vào được chơn thật, ấy là trái nghĩa LY VI, hủy pháp đại đạo.

Hễ chơn thì chẳng cần cầu, vì bên ngoài vô sở đắc, hễ thật thì chẳng cần tu, vì bên trong vô sở chứng, hễ không có vọng tưởng thì đạo LY VI hiện tiền. LY là trống rỗng, VI là nhiệm mầu, hư vô tịch lặng nên gọi là LY VI.

Bậc thánh sở dĩ không có vọng tưởng vì thông đạt sự LY, diệu dụng vô cùng vì liễu triệt sự VI, VI thì vô tâm, LY thì vô thân, thân tâm đều mất, linh trí độc tồn, tuyệt nơi hữu vô, bất nơi năng sở, pháp giới tự nhiên, công dụng sáng tỏ mà vô sanh.

Nên bậc thánh ở nơi vô VI mà tùy cơ hóa độ, dùng giáo pháp chẳng cần ngôn ngữ mà âm thầm khế hợp chơn lý, tịch lặng chẳng thấy tướng người, cho nên được dung thông đại tượng, bao hàm vạn vật, cũng như hư không đầy đủ khắp nơi.

Kẻ mê nơi vô ngã mà lập ngã thì bên trong sanh khởi ngã đảo (*ngã chấp điên đảo*), trong sanh ngã đảo thì thánh lý bị kẹt; thánh lý bị kẹt thì bên ngoài có sở lập, ngoài có sở lập thì trong ngoài đều bị chướng ngại. Trong ngoài chướng ngại thì vật lý chẳng thông, bèn vọng khởi lưu chuyển luân hồi. Sự lưu chuyển hỗn độn nơi tịch chiếu nên đại tượng chìm

mất, Chơn nhất nhiều loạn; Chơn nhất nhiều loạn thì tà kiến vọng khởi, nên bị trôi lăn trong vòng sanh tử, vì thế nên giả lập cái luận LY VI để tỏ rõ thể dụng nhiệm mầu của tự tánh. Người học đạo hãy tham cứu mãi thì cuối cùng sẽ rõ được nguồn gốc của hư thật.

Sắc pháp thanh pháp, như bóng như tiếng, nếu chỉ dùng bóng và tiếng để chỉ bày thật tướng thì chưa thể cho là chơn thật, bởi vì ngón tay chẳng phải mặt trăng, lời nói chẳng phải là đạo, người học nên được đạo quên lời, thấy trắng quên ngón. Vậy thì kẻ mê LY tức tà ma, vì tham ái trần lao, cam chịu sanh tử; kẻ mê VI tức ngoại đạo, vì ham so đo tìm cầu, vọng khởi chư kiến.

Hữu và vô là căn bản của chư kiến. Sao gọi là hữu? Vì vọng có sở tác; Sao gọi là vô? Vì quán xét thấy vô sở đắc. Đã có hai thứ kiến chấp hữu vô nên sanh khởi chư kiến, chư kiến đã khởi tức tà kiến bất chơn nên gọi là ngoại đạo.

Tồn và vong là căn bản của sanh tử, thân tồn thì sanh, thân vong thì diệt, kẻ chấp trước vọng tướng, ham thích ngoại cảnh, ôm chặt thân kiến (*chấp thân là thật*), mong cầu vị lai được sanh nơi thù thắng, thọ quả báo tốt đẹp nên gọi là tà ma.

Hễ thấu được LY thì tất cả chẳng nhiễm, chẳng

nhhiễm tức siêu việt cảnh giới tà ma; hể thấu được VI thì tất cả tịch lặng, chẳng có vọng tưởng, tức siêu việt đủ thứ tà kiến ngoại đạo, nên Kinh nói “Vi diệu thâm sâu”, chẳng là tự tánh vậy.

Nói VI là chẳng có chư kiến, nói LY là chẳng có nhhiễm trước, chẳng nhhiễm chẳng trước thì tịch diệt làm vui. Sao gọi là khổ? Vì chẳng liễu được VI, nên bên trong có suy tư, vì chẳng liễu được LY, nên bên ngoài có nương tựa. Ngoài có nương tựa là tham, trong có suy tư là duyên, duyên tham đã khởi, liền bị cảnh ma sai khiến, ngày đêm băng khuâng chẳng được tạm ngừng, cam chịu trần lao nên gọi là khổ.

Sao gọi là vui? Vì liễu được VI nên bên trong chẳng suy tư, vì liễu được LY nên bên ngoài chẳng nương tựa. Ngoài chẳng nương tựa tức chẳng tham, trong chẳng suy tư tức chẳng duyên, chẳng duyên chẳng tham thì không bị vạn hữu trói buộc, cũng không bị trần lao sai khiến, do đó thanh hư tịch lặng, chẳng có gì chướng ngại, tự tánh giải thoát nên gọi là vui.

LY tức lý, VI tức mật. Sao gọi là lý? Vì chẳng là tất cả vật; Sao gọi là mật? Vì bản thể ẩn mật mà hiện ra công dụng.

LY tức không, VI tức hữu, “Không” nên vô tướng, “Hữu” nên hiển dụng. Do vậy phi hữu phi không là

chánh tông của muôn pháp, phi không phi hữu là cha mẹ của vạn vật, ra chẳng phương hướng để đến, vào chẳng xứ sở để ở, bao gồm vạn hữu mà chẳng có việc làm, hóa độ muôn loài mà chẳng phải pháp chủ. Cho nên tiểu thất mà rộng vô biên, nhất niệm mà thông muôn loài, tâm chẳng thể suy lường, ý chẳng thể hiểu biết, ấy gọi là sức dụng trụ nơi giải thoát bất tư nghi. Sao gọi bất tư nghi? Vì bản thể vốn LY VI. Sao gọi là giải thoát? Vì chẳng có gì trói buộc vậy.

LY tức pháp, VI tức Phật, cả hai hòa hợp gọi là Tăng, ba tên một thể, một thể ba tên, hòa lẫn thì chẳng thể phân biệt, trở về cội nguồn lại thành vô danh. LY tức dung, VI tức dùng. Dung thì bao hàm cái bản, dùng thì chẳng gì so bằng. Chẳng gì so bằng nên diệu hạnh hóa độ thường xuyên, bao hàm cái bản nên thường lẫn lộn trong vạn hữu.

Lại chẳng mất chẳng tai gọi là LY, có thấy có nghe gọi là VI, vô ngã vô tác gọi là LY, có trí có dụng gọi là VI; vô tâm vô ý gọi là LY, có thông có đạt gọi là VI.

Lại LY tức Niết bàn, VI tức bát nhã, bát nhã thì vô biên đại dụng. Niết bàn thì tịch diệt vô dư, vô dư thì phiền não chấm dứt, đại dụng thì giáo hóa vô cùng.

Nếu người chẳng liễu đạt LY VI, dù cho khổ hạnh

dầu dà, xa lìa cảnh trần, dứt tham sân si, thành tựu nhãn nhục trải qua vô lượng kiếp, cũng chẳng vào được chơn thật. Tại sao? Vì bị kẹt nơi y báo chánh báo, trụ nơi có sở đắc, chẳng lìa điên đảo mộng tưởng tà giác và chư kiến.

Nếu có người thấu rõ **LY VI**, dù tập khí, vọng tưởng và phiền não vẫn còn hiện hành, nhưng luôn luôn cảnh giác diệu nghĩa của **LY VI**, thì người ấy chẳng bao lâu sẽ vào được chơn thật của Vô Thượng Đạo. Vì sao? Vì liễu được căn bản của chánh kiến.

Nói **LY** là đối với lục nhập, nói **VI** là đối với lục thức, nếu hợp sáu thành một thì tịch lặng vô vật. Bậc Thánh tùy theo sự chấp chẳng đồng của chúng sanh mà thiết lập đủ thứ ngôn giáo để ứng cơ hóa độ, nhưng trong lý cứu cánh thì chẳng có danh tự, ví như hư không, lìa số và phi số, lìa tánh và phi tánh, phi nhất phi dị, phi cảnh phi lìa cảnh, chẳng có xuất nhập, tâm thức chẳng thể suy lường.

Tất cả kinh luận đều tùy theo phạm tình mà phá chấp, tùy theo căn cơ trình độ của chúng sanh mà giả lập phương tiện, đều chẳng trụ nơi danh tướng và sự vật. Nếu chẳng trụ danh tướng thì chẳng cần tất cả ngôn thuyết và nghĩa của **LY VI**, nên Kinh nói “Tùy nghi thuyết pháp, lý thú khó hiểu”, dù nói các thừa, đều chỉ là phương tiện để trợ đạo cho chúng sanh chớ

chẳng phải thật có cứu cánh giải thoát Niết bàn.

Ví như có người vẽ hình trong hư không và phát ra đủ thứ âm thanh, nhưng hư không cũng chẳng hiện tướng gì cả, cũng chẳng thấy thêm bớt biến động, hóa thân của chư Phật thuyết pháp cũng như vậy, ở nơi thực tế chẳng có đồng dị. Cho nên trời đất hàm LY, hư không hàm VI, mà sự tạo tác của vạn vật biến hóa vô cùng.

Tự tánh có thần, trong thần có trí, trong trí có thông, thông có ngũ thông, trí có ba thứ. Thế nào là Ngũ thông? Một là đạo thông, hai là thần thông, ba là y thông, bốn là báo thông, năm là yêu thông.

Sao gọi yêu thông? Côn trùng già biến thành tinh, nhập vào thân người, thông minh kỳ lạ, ấy là yêu thông. Sao gọi báo thông? Biết quá khứ vị lai của quỷ thần, biến hóa của cõi trời và thần long, ấy là báo thông. Sao gọi y thông? Y theo pháp mà biết, duyên theo thân mà dùng, vắng lai bằng phù chú, y theo luyện đơn để tổ linh biến, ấy là y thông. Sao gọi thần thông? Tịnh tâm chiếu soi, biết quá khứ vị lai, tùy theo sức định có đủ thứ biến hóa, ấy là thần thông. Sao gọi đạo thông? Ứng vật vô tâm, tùy duyên giáo hóa vạn hữu, quán tất cả pháp đều như hoa đốm trên không, bóng trăng trong nước, dù thấy mọi thứ hình tướng đều chẳng chấp thật, ấy gọi là đạo thông.

Thế nào là ba thứ trí? Một là chơn trí, hai là nội

trí, ba là ngoại trí. Sao gọi ngoại trí? Lục căn phân biệt, hiểu biết cảnh trần, bác học cổ kim, thông suốt thế tục, ấy là ngoại trí. Sao gọi nội trí? Tự ngộ vô minh, phiền não cắt đứt, tâm ý tịch lặng, tất cả đều không, ấy là nội trí. Sao gọi chơn trí? Ngộ được bản thể tịch lặng, vốn là vô vật, thông đạt khắp nơi, tịnh nhiễm chẳng khác, ấy là chơn trí.

Nên chơn trí đạo thông, chẳng thể gán tên, ngoài ra đều tà ngộ. Ngụy tức chẳng chơn, tà tức chẳng chánh, vì tâm sanh vọng chấp, mê nơi thể tánh, nên giả lập hai tên nội trí và ngoại trí. Nếu ngộ nhập LY VI, thông đạt vạn hữu thì tự tánh vốn chơn, siêu việt tất cả.

Muốn phân biệt tà chánh, thấu rõ chơn ngộ cần phải pháp nhãn sáng tỏ mới được thông suốt. Nhưng người thế gian phần nhiều tin theo tà ngộ, chánh tín rất ít. Tiểu thừa hiện hành, Đại thừa bị kẹt nên diệu lý khó được hiển bày.

LY là vô thân, VI là vô tâm; vô thân nên đại thân, vô tâm nên đại tâm. Đại tâm thì cùng khắp vạn vật, đại thân thì ứng cơ đầy đủ, nếu chấp thân là thân thì mất đại ứng (*ứng cơ*), nếu chấp tâm là tâm thì mất đại trí, cho nên muôn ngàn kinh luận đều nói phải lìa thân tâm, phá hết tri kiến chấp trước mới vào được chơn thật. Ví như thợ bạc luyện lấy vàng ròng, phải lược bỏ những chất khác mới làm đồ dùng

bằng vàng thiết được, nếu chấp thật có thân thì bị “có thân” chướng ngại, có thân chướng ngại thì pháp thân ẩn nơi hình tượng; nếu chấp thật có tâm thì bị “có tâm” chướng ngại, có tâm chướng ngại thì chơn trí ẩn nơi tướng niệm, thế thì lục thức nhiễu loạn bên trong, lục căn phan duyên bên ngoài, ngày đêm bằng khuâng chẳng được ngừng nghỉ, khiến cho diệu lý chìm mất, đại đạo chẳng thông.

Chẳng quán tâm thì chẳng thấy VI, chẳng quán thân thì chẳng thấy LY, nếu chẳng thấy LY VI thì lạc mất pháp yếu của đạo. Nên kinh Kim Cang nói: “Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân” là nghĩa này vậy.

Nói bỏ quyền (*phương tiện tùy nghi*) về thật, bỏ giả về chơn, cũng như thợ bạc lấy nhiều đồ bằng vàng để đúc thành một tượng, diệt những tướng khác nhau, hỗn hợp thành một, tức là đại đã (*rèn đúc nhiều đồ kim loại trong một lò*). Nói đại đã tức là đại đạo vậy, trong lò đúc của đại đạo, tạo hóa vô cùng, làm ra muôn ngàn đồ dùng, hoặc thành hoặc hoại mà bản thể chẳng có thêm bớt. Nên Kinh nói: “Có Phật chẳng Phật, tánh tướng thường trụ”.

Sở dĩ nói DUNG TƯỚNG (*nhiều tướng dung hợp thành một*) là vì phàm phu chấp hữu tướng, sợ vô tướng; sở dĩ nói TƯỚNG là vì ngoại đạo chấp vô tướng, sợ hữu tướng, sở dĩ nói TRUNG ĐẠO là muốn

khiến cho hữu tướng và vô tướng chẳng khác, phàm dùng lời nói diễn tả được đều chẳng phải chơn lý, tất cả đều là để phá chấp và dứt trừ sự nghi ngờ mà thôi. Nếu có người liễu ngộ Thật tướng chẳng có một pháp, bình đẳng bất nhị, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng bĩ (*cái kia*) chẳng thử (*cái này*), cũng chẳng trung gian (*chính giữa*), thì chẳng nhờ lời nói của bậc Thánh mà chơn lý tự thông vậy.

Hễ cho tướng là vô tướng thì tướng tức vô tướng, nên Kinh nói: **“Sắc tức thị không”**, chẳng phải dùng sắc để diệt không, cũng như nước chảy im lìm, bị gió đánh lên bọt, tức bọt là nước, chẳng phải dùng bọt để diệt nước. Hễ cho vô tướng là tướng thì vô tướng tức là tướng vậy. Kinh nói: **“Không tức thị sắc”**, chẳng phải dùng không để diệt sắc, không vô tận thì sắc vô tận, cũng như hủy bọt thành nước, nước tức là bọt, chẳng phải là nước có bọt. Kẻ ham hữu tướng sợ vô tướng, vì chẳng biết hữu tướng tức vô tướng; kẻ ham vô tướng sợ hữu tướng, vì chẳng biết vô tướng tức là tướng, kỳ thật hữu tướng, vô tướng tất cả đều ở trong tự tánh, người giác ngộ được gọi là Phật. Hễ ngộ thì vọng tướng chẳng sanh, nếu vọng chẳng sanh thì bản thể vốn chơn thật.

Tướng của vô tướng gọi là LY, vì bản thể của LY vốn vô tướng; vô tướng của tướng gọi là VI, vì bản thể của VI chẳng phải vô tướng. Cho nên người hành đạo

sống chẳng thấy vui, chết cũng chẳng buồn. Tại sao? Vì sống là trôi nổi, chết là nghỉ ngơi, cho sống là huyền hóa, chết là chơn thật. Nên Kinh nói **“*Sanh chỉ là pháp sanh, diệt chỉ là pháp diệt*”**. Nói đến những pháp này, mỗi mỗi đều chẳng biết nhau, lúc sanh chẳng nói ta sanh, lúc diệt chẳng nói ta diệt. Bởi vì đại trí vô tri, đại giác vô giác, chơn tế lý không (*nơi nghĩa lý chơn thật của tự tánh vốn trống rỗng*), chẳng thể gán tên, chẳng thể lập tướng, cho nên Niết Bàn đại tịch, Bát Nhã vô tri, Pháp Thân viên mãn, tất cả sắc tướng có số lượng đều tịch diệt vậy.

HẾT PHẨM THỨ HAI

PHẨM BẢN TẾ HƯ HUYỀN

THỨ BA

(Bản thể của tự tánh vốn trống rỗng nhiệm mầu, nên gọi BẢN TẾ HƯ HUYỀN)

Nói **BẢN TẾ** tức là cái tánh Niết bàn vô ngại của tất cả chúng sanh. Sao bỗng có vọng tâm và đủ thứ điên đảo như thế này? Chỉ vì một niệm mê hoặc, niệm mê này từ “Một” sanh khởi, “Một” từ bát tư nghì sanh khởi, nói bát tư nghì tức là chẳng có chỗ khởi. Nên Kinh nói: **“*Sự bắt đầu của đạo là sanh ra một*”**. “Một” là vô vi, từ một sanh ra hai, “Hai” là vọng tâm, vì có tâm biết một thì có năng biết sở biết,

nên chia thành hai, từ hai sanh ra âm dương, nói âm dương cũng là động tịnh vậy.

Dương là thanh (*trong*), âm là trược (*đục*), thanh khí trống rỗng bên trong là tâm, trược khí kết tụ bên ngoài là sắc, thành có hai pháp tâm và sắc. Tâm tương ứng nơi dương, dương tương ứng nơi động; sắc tương ứng nơi âm, âm tương ứng nơi tịnh, tịnh với huyền tần (*loại cái nhiệm màu, chẳng có thật chất*) thông nhau nên có trời đất giao hợp. Tất cả chúng sanh đều bẩm thụ hư khí của âm dương mà sanh. Cho nên từ một sanh hai, từ hai sanh ba, từ ba sanh vạn pháp vậy.

Đã duyên theo vô vi mà có tâm, lại duyên theo có tâm mà có sắc, nên Kinh nói: **“Tâm sanh muôn niệm, sắc khởi muôn loài”**, đủ thứ tâm sắc hòa hợp thành nghiệp nhân, bèn thành hạt giống của tam giới.

Tại sao có tam giới? Vì có tâm chấp thật làm căn bản, cái chấp tâm này mê muội chơn nhất, thì có ác trược sanh ra vọng khí, vọng khí trong lặng thành vô sắc giới, cũng gọi là tâm; trược khí hiện hành thành sắc giới, cũng gọi là thân, căn bản của ác trược xao động thành dục giới cũng gọi là cảnh trần vậy. Nên Kinh nói: **“Tam giới hư vọng chẳng thật, chỉ do một niệm vọng tâm biến hóa”**.

Bên trong có “Một” sanh khởi tức bên ngoài có vô vi; bên trong có “Hai” sanh khởi tức bên ngoài có hữu

vi; bên trong có “Ba” sanh khởi tức bên ngoài có tam giới, trong và ngoài đã tương ứng với nhau, bên sanh đủ thứ chư pháp và hằng sa phiền não.

Hễ “Một” chẳng sanh thì chẳng có vô vi, nếu có người nói ta chứng vô vi, ấy là hư vọng; hễ “Hai” chẳng sanh thì chẳng có hữu vi, nếu có người nói ta chứng hữu vi ấy là hư vọng; hễ “Ba” chẳng sanh thì chẳng có tam giới, nếu có người nói thật có tam giới ấy là hư vọng. Nên Kinh nói: **“Có hữu tức có khổ, chẳng hữu tức Niết Bàn”**, bậc Thanh Văn chứng quả vô vi còn là hữu dư, cho đến Thập Địa Bồ Tát vẫn còn sự chướng ngại vi tế của căn bản vô minh, nên nói “Một” là vô vi, “Hai” là hữu vi, “Ba” là tam giới vậy.

Vô vi có hai: một là chứng diệt vô vi, hai là tánh vốn vô vi. Nói chứng diệt vô vi, ấy là những bậc Thánh tu đạo đoạn chướng, chứng được bản thể như như, nên Kinh nói: **“Tất cả Hiền Thánh đều vì pháp vô vi mà có sai biệt”**. Nói tánh vốn vô vi, ấy là căn bản của pháp tánh vốn như vậy, phi tu phi chứng, chẳng do người làm nên, chẳng do pháp khế hợp, người và pháp vốn không, bản thể của Chơn Đế trong sạch, nên Kinh nói: **“Diệu lý của thật tướng chẳng hữu vi, chẳng vô vi, chẳng bờ bên đây, chẳng bờ bên kia, cũng chẳng ở giữa”**. Vì chẳng hữu vi nên chẳng thể tu học, chẳng vô vi nên chẳng thể chứng diệt, nếu có tu có chứng, tức là bản tánh chẳng phải

vốn vô vi vậy. Nên Kinh nói: “**Tất cả lấy chẳng sanh làm tông**”, tông nếu chẳng sanh tức chẳng vô sanh, vô sanh chẳng sanh thì chẳng thể chứng lấy. Tại sao? Hễ có chứng tức có sanh, hễ chẳng chứng tức vô sanh, cũng là thuận theo tự tánh vậy.

Nói chẳng sanh tức là **BẢN TẾ**, chẳng xuất chẳng nhập, cũng như hư không, chẳng vật nào để thí dụ. Chỉ vì tất cả pháp hữu vi hư vọng chẳng thật, nhờ nhân duyên giả lập với nhau mà có sanh diệt, nếu truy cứu cùng tận nguồn gốc thì cuối cùng trở về thực tế. Nhưng tất cả chúng sanh vì thất lạc căn bản, hướng ngoại tìm cầu, cam chịu khổ nhọc, tu tập nhiều kiếp mà chẳng ngộ Chơn Tánh, cho nên hễ lấy gốc tìm ngọn thì ngọn vọng chẳng chơn, lấy ngọn tìm gốc thì gốc hư chẳng thật.

Gốc tức chẳng cần cầu. Tại sao? Vì gốc chẳng cầu nơi gốc, cũng như vàng chẳng cầu nơi vàng vậy. Ngọn tức chẳng cần tu. Tại sao? Vì vọng chẳng cầu nơi vọng, cũng như nắm đất chẳng thể thành vàng. Pháp của thân tâm hư vọng chẳng thật, mà người thế gian phần nhiều khổ tu thân tâm để tìm đạo, cũng như nắm đất để tìm vàng, nếu cho thân tâm tức là đạo thì tại sao bậc Thánh nói lìa thân tâm? Nên biết chẳng phải đạo. Bản thể chơn thật cũng chẳng cần tu. Tại sao? Vì tự tánh chẳng có nhị pháp.

Bậc Thánh thị hiện sống mà chẳng phải có, chết mà chẳng phải không, chẳng có vọng tâm lấy bỏ, dù trải qua muôn ngàn sanh tử chỉ tùy theo pháp tánh tự nhiên mà chẳng nổi ý phân biệt, khi ấy chẳng có ngã và vô ngã; phạm phu vì có vọng tưởng, trong tâm mê hoặc, bèn sanh đủ thứ tri kiến, vì chẳng chơn thật nên tự tánh chẳng được sáng tỏ.

Bản Tế của tự tánh trong sạch, vi diệu thâm sâu, vốn chẳng có bắt, các bậc Thánh hiện đủ thứ ngôn luận đều là lời nói tùy cơ giáo hóa. Thật ra, nói chơn thật hay chẳng chơn thật, giáo hóa hay chẳng giáo hóa, chỉ là tùy nghi giả lập. Bản Tế vốn là vô danh.

Bản tế vô danh mà gán tên nơi vô danh, Bản tế vô tướng mà gán tên nơi vô tướng, danh tướng đã lập thì vọng tưởng liền sanh, từ đó Chơn Nhất chôn vùi, đại đạo ẩn mất.

Bản thể của vô danh cùng khắp tất cả, chẳng có tên gọi, siêu việt số lượng, chẳng một chẳng hai, nên Kinh nói: **“Sum la cập vạn tượng, nhất pháp chi sở ấn”**, ấn tức là Bản Tế, nhưng nghĩa lý của Bản Tế chẳng mình chẳng người, chẳng một chẳng nhiều, bao hàm Nhất Khí (*tự tánh*), gồm đủ vạn hữu.

Nếu có người tự tánh trong sạch, hàm **NHẤT** (*ôm theo tự tánh*) mà sanh, chẳng có vọng tưởng tức là bậc Thánh. Nếu tự mê hoặc, loạn khởi vọng tưởng,

tức là phạm phu. Kỳ thật thì chẳng có bậc Thánh cũng chẳng có phạm phu, Thánh phạm chẳng phải khác nhau nên Kinh nói: **“Phật tánh bình đẳng, mệnh môn khó lường, Thánh phạm bất nhị, tất cả viên mãn”**.

Cây, cỏ, muối, kiến đều sẵn đầy đủ, cho đến một vi trần, một sợi tóc đều hàm **NHẤT** mà có, nên Kinh nói: **“Hể liễu tri NHẤT thì muôn việc đều xong”**. Bởi vì tất cả chúng sanh đều từ **Nhất Thừa** mà sanh nên gọi Phật thừa là **Nhất Thừa**, kẻ ngộ tức **NHẤT**, kẻ mê tức dị. Kinh nói: “Tiền niệm là phạm, hậu niệm là Thánh”, lại nói: “**Nhất niệm biết tất cả pháp**”, cho nên **NHẤT** là tất cả, tất cả là **NHẤT**, do công dụng của **NHẤT** pháp mà thành tựu vạn tượng. Nên Kinh nói: **“Tất cả nếu có, có tâm là mê, tất cả nếu không, không tâm thì khắp mười phương”**. Vậy thì **Chơn Nhất** có muôn ngàn sai biệt, muôn ngàn sai biệt tức là **Chơn Nhất**. Ví như biển nổi ngàn sóng, ngàn sóng tức biển, nên tất cả đều **NHẤT**, chẳng có khác biệt.

NHẤT là đối với dị (khác biệt) mà nói, dị đã phi dị, **NHẤT** cũng phi nhất, phi nhất bất nhất, giả lập **Chơn Nhất**, **Chơn Nhất** thì phải lập văn tự lời nói có thể diễn tả. Do đó, **Phi Nhất** thấy **Nhất**, hể có sở thấy, tức là có nhị, chẳng được gọi là **Chơn Nhất**, cũng chẳng gọi là tri **NHẤT**.

Nếu dùng **NHẤT** để tri **Nhất**, tức gọi là nhị, chẳng

gọi là **NHẤT**; nếu có sở tri tất có vô tri, có tri và bất tri, tức có nhị vậy. Cho nên đại tri vô tri mà vô sở bất tri, mãnh liệt thường tri, thường tri vô tri giả danh gọi là tri, phi ngã và ngã sở, phi tâm phi ý.

Pháp nếu hữu vi tức có sở tri, pháp nếu vô vi, cũng như hư không, chẳng có bờ bến thì chẳng có tri và bất tri. Bậc Thánh sở dĩ nói tri là vì có tâm có số, có làm có pháp, nên có thể tri; sở dĩ nói vô tri là vì chẳng tâm chẳng số, chẳng làm chẳng pháp, nên chẳng thể tri.

Nếu dùng hữu tri để tri nơi tri, thì chẳng có chỗ đúng, ví như có người suốt ngày nói không, ấy chỉ là người nói, chứ chẳng phải “Không” nói; dùng cái tri để tri vô tri cũng vậy. Bậc Thánh sở dĩ hoặc nói ta tri, là vì đối với sự mê, để phá trừ nghi ngờ của những kẻ có bệnh chấp thật. Kỳ thật, tri và vô tri chẳng phải là hai.

Sở dĩ nói vô tri, vì phàm phu chẳng liễu đạt **Chơn Nhất**, chấp ngã và ngã sở, vọng tâm so đo có năng tri sở tri, nên nói vô tri vô phân biệt. Phàm phu nghe xong liền học vô tri, như người ngu muội, chẳng thể phân biệt, nên bậc Thánh vì những kẻ hư vọng mà nói Như Lai liễu liễu tri kiến, chẳng phải bất tri. Phàm phu nghe xong liền học hữu tri, hễ có hữu tri thì bị hữu tri chướng ngại, ấy là hư tri, cũng gọi là vọng tri, sự tri như thế lại càng xa với đạo vậy. Nên

Kinh nói: “Chúng sanh thân cận ác tri thức, sanh trưởng ác tri kiến”. Tại sao? Những người ngoại đạo có thần thông, biết được quá khứ vị lai của thân tâm; vì thân tâm chẳng trong sạch nên chẳng ra khỏi sanh tử. Những kẻ học vô tri, đều bỏ hữu tri học vô tri, mà chẳng biết vô tri tức là tri, còn những kẻ bỏ vô tri học hữu tri, chẳng biết có tri tức có giác, có giác thì tâm ý sanh khởi muôn ngàn tư tưởng, chẳng thể lìa khổ. Hai thứ kiến chấp tri và vô tri đều chẳng thể khế hợp lý như như, nên chẳng thể đến chỗ chơn thật. Chỗ chơn thật vốn lìa hữu tri và vô tri, vì siêu việt tất cả số lượng vậy.

Hễ thấy thì có phương, nghe thì có sở, giác thì có tâm, tri thì có lượng (*số lượng*), nếu liễu đạt Bản Thể vốn chẳng phương sở, chẳng tâm chẳng lượng, thì chẳng có kiến văn giác tri. Chơn Nhất chẳng có hai, mà hiện ra sự bất đồng, cũng như có người niệm Phật thì Phật hiện, niệm Tăng thì Tăng hiện, nhưng sự thật thì phi Phật phi phi Phật mà hiện nơi Phật, cho đến phi Tăng phi phi Tăng mà hiện nơi Tăng. Tại sao? Do người niệm có tâm hy vọng được hiện, thì bất giác tự tâm hiện ra.

Những việc Thánh Hiền do nhân duyên sanh khởi, luôn luôn tùy theo ngoại cảnh mà có sai biệt, kỳ thật chẳng phải Phật với Tăng có khác. Nên Kinh nói: “Kẻ thấy sắc thân và quốc độ của chư Phật có số

lượng, mà vô ngại huệ của tự tánh thì chẳng có số lượng”.

Ví như người làm ảo thuật nơi hư không, tùy sức ảo thuật hóa ra đủ thứ hình tượng, những kẻ ngu muội cho là nơi hư không đã có việc này, kẻ niệm Phật, Tăng cũng vậy, ở nơi pháp không, nhờ sức tâm niệm hóa ra đủ thứ sắc tướng, mà theo đó vọng khởi kiến chấp. Nên Kinh nói: “Tâm như người ảo thuật, ý như người phụ tá, ngũ thức là bạn bè, vọng tưởng là người xem”.

Ví như có người tự làm khuôn hình nơi lò đúc, vuông tròn lớn nhỏ tùy theo ý muốn, vàng chảy vào khuôn làm ra hình tượng, hình tượng tùy theo ý muốn mà thành. Kỳ thực bản thể của vàng rỗng phi tượng phi phi tượng mà hiện nơi tượng, kẻ niệm Phật, Tăng cũng vậy.

Người đúc vàng dụ cho đại trí của Như Lai; khuôn hình dụ cho pháp thân của chúng sanh, vì trong tâm mong cầu thấy Phật, nên nhờ nhân duyên niệm Phật, được hiện ra đủ thứ thân tướng, mà chẳng biết pháp thân, phi tướng phi phi tướng.

Sao gọi phi tướng? Vốn chẳng có tướng nhất định vậy. Sao gọi phi phi tướng? Vì có chư tướng duyên khởi. Pháp thân phi hiện phi phi hiện, lìa tánh và vô tánh, phi hữu phi vô, chẳng tâm chẳng ý, chẳng thể so đo suy lường. Phạm phu tùy theo vọng tưởng cho

là thấy Phật, xưa nay chấp thật ngoài tâm có Phật, chẳng biết do tự tâm vọng hiện mà có; hoặc nói ngoài tâm chẳng Phật, ấy là phi báng chánh pháp. Nền Kinh nói: **“Cảnh giới của bậc Thánh lìa phi hữu phi vô, chẳng thể đo lường”**, Nếu chấp thật có thật không, tức lọt vào nhị biên, cũng là tà vọng. Tại sao? Vì vọng sanh nhị kiến, sai trái với chân lý vậy.

Ví như có người ở trong kho chứa đồ vàng, chỉ thấy nơi vàng, chẳng thấy các tướng, dù thấy các tướng, cũng chỉ là vàng. Chẳng bị các tướng mê hoặc thì lìa phân biệt, thường thấy bản thể của vàng nên chẳng hư vọng, dụ cho bậc Thánh thường quán Chơn Nhất, chẳng thấy các tướng, dù thấy các tướng cũng là Chơn Nhất, xa lìa vọng tưởng, chẳng có điên đảo, trụ nơi thật tế, nên gọi bậc Thánh.

Còn như có người ở trong kho chứa đồ vàng, thường thấy các tướng, chẳng thấy bản thể là vàng, vọng khởi đủ thứ tri kiến, phân biệt tốt xấu, làm mất tánh vàng, bèn có tranh luận, dụ cho phàm phu, thường thấy sắc tướng, nam, nữ xấu đẹp, đủ thứ sai biệt, mê muội bản tánh, chấp trước tâm tướng, vọng sanh yêu ghét lấy bỏ, kiến chấp điên đảo, trôi lăn trong vòng sanh tử, thọ thân này thân kia, vọng tưởng sum la, che khuất Chơn Nhất. Cho nên, những hành giả có đạo, thông đạt Phật pháp, xa lìa chư kiến, mới tương ưng với đạo, khế hợp Chơn Nhất.

Chơn Nhất khó tả, phải nhờ lời thí dụ để tỏ bày, kỳ thật lý cứu cánh của đạo chẳng phải lời nói có thể diễn đạt được. Cũng như cho nhân là nhân thì sanh nhân đảo (*điên đảo*), cho nhân là vô nhân thì sanh vô nhân đảo, ấy đều là vọng tưởng. Nếu chấp có nhân tức mê nơi vô nhân, do chấp có nhân thì diệu kiến chẳng thông, nên Kinh nói: **“Vô nhân, vô sắc”**; nếu chấp vô nhân tức mê nơi nhân, do chấp vô nhân thì lạc mất Chơn Nhân, như người mù chẳng phân biệt màu sắc; nên Kinh nói: **“Ví như những người lục căn bị tàn phế thì chẳng thể lãnh thọ ngũ dục”**. Các bậc Thanh Văn cũng vậy.

Chỉ có Như lai được chơn thiên nhãn, thường ở nơi chánh định, thấy khắp tất cả quốc độ Phật, vì chẳng nhị tướng, nên chẳng đồng với cái sở kiến của phàm phu; vì thấy khắp nên khác với cái vô sở kiến của Thanh Văn.

Nói “Nhị kiến” ấy là vọng kiến hữu vô, nhưng bản thể của Chơn Nhất chẳng phải hữu vô, chỉ do vọng tưởng kiến lập mà có hữu vô. Nên bậc Thánh hoặc nói ta liễu liễu kiến, hoặc nói chẳng kiến, chỉ là tùy bệnh phá chấp mà nói kiến và chẳng kiến, kỳ thật diệu lý của Chơn Nhất là kiến và chẳng kiến, siêu việt Thánh phàm và số lượng, nên được liễu liễu kiến, chẳng phải hư vọng.

Vì chẳng phải sắc pháp nên nhục nhãn chẳng thể kiến; vì chẳng phải pháp chúng nên pháp nhãn chẳng thể kiến, chỉ có Phật nhãn trong sạch, phi kiến phi bất kiến, nên liễu liễu kiến, chẳng thể suy lường, chẳng thể so đo; phàm phu thì tuyệt phần, nhị thừa chỉ được ít phần, Bồ Tát được thấy hết mà mơ hồ, nên biết Phật tánh khó thấy vậy.

Mặc dù như thế, Kinh nói: **“Phật tánh phổ biến, chẳng kể Thánh phàm”**. Người học đạo chỉ cần thể cứu Chơn Nhất nơi tự thân, đâu cần tìm kiếm bên ngoài! Nếu dụng công ngày đêm chẳng ngừng, cuối cùng sẽ được tự chứng ngộ, nên Kinh nói: **“Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy”**.

Quán thân thật tướng tức là Nhất Tướng. Nhất Tướng tức không tướng, không tướng chẳng tướng nên phi dơ phi sạch, phi phàm phi Thánh, phi hữu phi vô, phi tà phi chánh, thể tánh thường trụ, chẳng sanh chẳng diệt tức là **Bản Tế**.

Lục căn của Như Lai tại sao hỗ dụng lẫn nhau? Vì liễu ngộ Chơn Nhất, chẳng số lượng, chẳng ngăn mé, thì pháp thân trống rỗng, tất cả vô ngại; lục căn của phàm phu tại sao chẳng được hỗ dụng lẫn nhau? Vì có vọng tưởng phân biệt, mỗi căn ngăn cách với nhau, tinh thần có giới hạn, thành có ngăn mé, vì mê muội Chơn Nhất, nên chẳng được hỗ dụng. Nên Kinh nói: **“Phàm phu vì có vọng tưởng, mê muội chẳng**

thông, chấp trước căn trần nên có đủ thứ sai biệt, bậc Thánh thông đạt Chơn Nhất, chẳng có vọng tâm ngăn cách căn trần, tâm chẳng số lượng nên được đồng dụng”.

Sao gọi là Chơn Nhất? Chơn thì chẳng dị, chẳng dị nên vạn vật hàm **NHẤT** mà sanh. Nói vạn vật cũng là **NHẤT** vậy. Tại sao? Vì bản thể vốn **NHẤT**, **NHẤT** tức là bất nhị, cũng như cây trầm là cây trầm, chẳng phải cây nọc. Chơn Nhất có đủ thứ tên gọi, dù có đủ thứ tên gọi, đều đồng một nghĩa, hoặc gọi pháp Tánh, hoặc gọi Pháp Thân, cho đến Chơn Như, Thực Tế, Hư Không, Phật tánh, Niết bàn, Pháp Giới, Bản tế, Như Lai Tạng, vô lượng tên gọi, đều là biệt danh của Chơn Nhất, cùng là một nghĩa. Nghĩa lý của ba phẩm này đều như thế.

Sao gọi là phẩm **QUẢNG CHIẾU**? Vì sự chiếu soi của đại trí mệnh môn khắp nơi, như huệ nhật viên chiếu, bao hàm vật lý, soi thấu vạn linh, nên gọi Quảng Chiếu. Sao gọi là phẩm **LY VI**? Vì tự tánh gồm sẵn chơn lý, cùng tột nguồn gốc nhiệm mầu, Thật tế trống rỗng, vốn tịnh chẳng nhiễm, nên gọi **LY VI**. Sao gọi là phẩm **BẢN TẾ**? Vì diệu lý thiên chơn, bản thể sáng soi, chẳng do tu mà thành, tánh vốn trống rỗng mà sẵn đủ vạn vật, nên gọi **Bản Tế** vậy.

Tự tánh bất nhị, thuyết lý dù chia ba phẩm, hợp

lại chỉ là một nghĩa. Dù một nghĩa mà có sự dụng vô cùng, tổng danh **THẬT TẠNG**, là để bàn luận căn nguồn của tánh nhận vật, xiển dương ý nghĩa sum la, trống rỗng thấu triệt – thái – thanh, âm thầm khế hiệp diệu lý. Kẻ biết được sẵn đầy đủ thì tự thể khế hợp Chơn Nhất, kẻ liễu ngộ thì huyền chỉ tự thông, nên lập luận để tỏ rõ lý như như của Pháp giới, hiển bày pháp yếu của đại đạo vậy.

HẾT PHẨM THỨ BA